

NGƯỜI VIỆT EVRY

9



Hội Thanh Thiếu Niên Việt Nam Evry
Association des jeunes vietnamiens d'Evry



Hội Thanh Thiếu Niên Việt Nam Evry
Association des jeunes vietnamiens d'Evry
12, Impasse Marette Guillerval
91000 EVRY



Hội Thanh Thiếu Niên Việt Nam Evry được thành lập vào ngày 06/04/1986, do sự hợp mặt của các anh chị em thanh niên, với mục đích tạo mối dây liên lạc và tương trợ giữa các gia đình Việt Nam sinh sống tại Evry và các vùng phụ cận.

Để thực hiện mục đích đó, Hội đã tổ chức các hoạt động thường xuyên như : tập dợt văn nghệ, sinh hoạt thể thao (bóng bàn, đá banh...), học tập (lớp dạy tiếng Việt, lớp dạy kèm), báo chí (ra tờ đặc san nội bộ)...

Hội luôn cố gắng tổ chức thường xuyên hai buổi lễ TRUNG THU (vào tháng 09) và TẾT NGUYỄN ĐÁN (vào khoảng tháng 02) mỗi năm, với hy vọng tạo cơ hội gặp gỡ và thắt chặt tình tương trợ trong cộng đồng người Việt chúng ta.

Hội Thanh Thiếu Niên Việt Nam Evry mong đón nhận được sự đóng góp của tất cả người Việt trong vùng. Xin quý Cô Bác, các anh chị em trẻ, tất cả những ai có sáng kiến hay, có điều kiện thuận tiện, hãy đến đóng góp với Hội để xây dựng những hoạt động hữu ích cho cộng đồng chúng ta.

BAN CHẤP HÀNH.

Trích lục vài điều lệ của Hội - Extrait des statuts de l'Association :

Article 01 : Elle est créée entre les adhérents aux présents statuts une association régie par la loi du 01 Juillet 1901, ayant pour dénomination **ASSOCIATION DES JEUNES VIETNAMIENS D'EVRY.**

Article 02 : Cette association a pour but de promouvoir toute forme de contacts, de rencontres sociales, culturelles, sportives... susceptibles de renforcer l'amitié, l'entente entre les vietnamiens ainsi que leurs sympathisants.

Article 06 : L'association se compose de membres actifs, bienfaiteurs et d'honneur.

Thành phần Ban Chấp Hành của Hội niên khóa 1999 :

Hội Trưởng/Président	:	Anh Dương Thanh Trước
Thư Ký/Secrétaire	:	Anh Diệp Phước Lợi
Thủ Quỹ/Trésorier	:	Anh Dechargères Laurent

PHIẾU GHI DANH - BULLETIN D'INSCRIPTION

Họ và tên/Nom et Prénom :

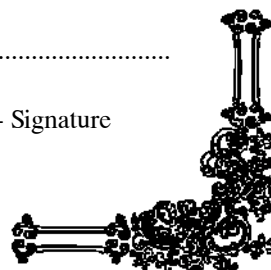
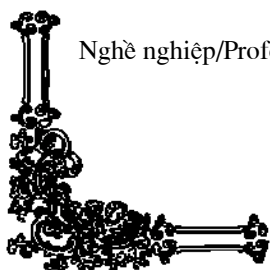
Ngày và nơi sinh/
Date et lieu de naissance :

Địa chỉ/Adresse :

Điện thoại/Téléphone :

Nghề nghiệp/Profession :

Ký tên - Signature



Lời Ngõ

Mùa hè đến và đi, thoáng thoáng, tưởng như không hề có. Những ngày nắng ấm hiếm hoi qua mau, nhường chỗ cho những áng mây mang mưa đến, cho những ngọn gió thổi bay lá vàng. Những ngày rong ruổi sẽ nhường chỗ lại cho sách vở và học đường.

Mùa hè lại đến đánh dấu cho một năm miệt mài trường lớp vừa dứt, một năm vất vả lao đao. Nhưng trong ánh nắng gay gắt ấy có cả một trời kỷ niệm, kỷ niệm của những cuộc hẹn hò, kỷ niệm của màu đào hoa phượng.

Trong năm qua, mặc dù có sự tham gia đóng góp nhiệt tình của rất nhiều Anh, Chị, Em trong và ngoài Hội, vẫn còn tồn tại nhiều gút mắc. Nhưng "trăm tay vỗ nên kêu", chỉ cần một lời kêu gọi là tất cả đều đồng tâm hưởng ứng, bắt tay vào công việc. Tinh thần thật đáng ngợi khen, Hội mong rằng cái hăng hái và sôi nổi ấy sẽ được duy trì mãi mãi cho đàn em mai sau.

Mặc dù trăm câu viết chưa tròn điều muốn nói, nhưng với một tấm lòng yêu quê hương thấm thiết, với nhiệt khí của tuổi trẻ và với một vài kinh nghiệm ít ỏi sau 4 số báo, Ban Biên Tập mong rằng Người Việt Evry số 5 sẽ mang lại một chút nắng ấm quê nhà cho những người tha hương và là một niềm khích lệ cho các bạn trẻ để Tập san tới sẽ có thêm nhiều cây bút mới.

Ban Biên Tập



Mục Lục

Số Táo Quân	2
Thơ : Tiến bạn	6
La prodigieuse aventure de la langue vietnamienne	7
Truyện cổ tích : Hoa Thủy Tiên	13
Đố vui.....	15
Thơ : Lạc loài - Ta muốn lãng quên.....	17
Trang thơ.....	17
Sử Việt Nam 5 - Histoire du Viet Nam 5	18
Thơ : Hè kỷ niệm.....	23
Truyện ngắn : Tết Việt Nam	24
Gia chánh : Vịt Bắc Kinh	28
Trang khoa học.....	31
Hoạt động thường xuyên của Hội.....	32

Ban Biên Tập

- Chị Huỳnh Huyền Thúy Vũ
- Bác Nguyễn Văn Hậu
- Anh Diệp Phước Cường
- Anh Trần Minh Giám
- Anh Dương Thanh Truớc



Số Táo Quân

“Bông-dua” Nam Tào...
Kính chào Bắc Đẩu . . .
Chúng thần Táo Evry
Đáo Thiên Đình chậm trễ
Chờ vào châu Ngọc Đế,
Khép nép đứng ngoài rào
Thần không dám vào ầu
Sợ hàm răng chú cẩu,
Táp rách “păng-ta-lông”
Xin hai ngài vui lòng
Buộc chó lại cho chắc,
Rồi hãy ra mở cổng,
Ba thần vào bệ kiến,
Dâng số lên Ngọc Hoàng.
Thần tấu việc trong làng
Chuyện năm Hổ vừa qua
Chắc Thượng Hoàng mát dạ
Bà con chơi điệu quá
Ủng hộ Tết hết mình

Đó là nhờ nghĩa tình
Cô Bác giúp Thanh-niên
Làm đẹp dân làng mình
Pháo nổ nhà rung rinh
Bà con đến thật đông
Ăn cái Tết cộng đồng
Đầy đủ vị quê hương
Bánh chưng, củ cải mặn,
Chả chiên, rồi quýt Tàu,
Thêm văn nghệ đời dào
Nhờ Hội viên đóng góp,
Đủ đuôi đầu thứ lớp,
Lễ Tổ tiên, múa lân,
Vũ, nhạc kịch ... vân vân ...
Tập diễn múa ân cần,
Chuẩn bị mấy tháng trường
Không nề hà khó nhọc,
Tuổi trẻ lại nhún nhường
Sắp nhỏ nói thấy thương
“Thành công nhờ cô bác,
Tiếp giúp với tụi con”
Thần cuối xin Thánh-thượng
Phù hộ cho đồng bào
Làm ăn thêm phát đạt,
Tiền của vô ào ào . . .
Để mở rộng hầu bao

Ủng hộ cho con cháu ...
 Làm nhiều việc hữu ích
 Dân Việt vốn thanh lịch
 Chả lẽ thua Ba Tàu
 Văn hóa ta vốn giàu
 Bốn ngàn năm văn hiến
 Cha Rồng cùng mẹ Tiên
 Lớn nhỏ một lời nguyên
 Tất bẻ Đông cũng cạn
 Việc gì không làm được...
 Lớn làm, nhỏ bắt chước

Kế tiếp việc Hội nhà
 Công-tác trong năm qua
 Bầu Ban chấp hành mới
 Hội trưởng cùng Hội phó
 Anh Giám với chị Vũ
 Bạn lo chuyện nhà cửa
 Xin xả hơi một năm
 Trước, Lợi, Laurent gồng
 Kề vai vô gánh thế
 Việc quen rồi cũng dễ
 Bác sĩ Hậu nhiệt tình
 Chăm phần, bỏ ống chích
 Dạy tiếng Việt của mình
 Cho bà con tráng niên
 Lại mở lớp “xú-chiên”
 Anh Út cùng anh Trước
 Kèm các em bài tập
 Toán, Vật lý, Hoá học ...
 Không kể gì mệt nhọc

Anh chị Nga, Hoàng, Phượng,
 Anh chị Chánh hết lòng ...
 Học trò ngày càng đông
 Giúp các em xa gần
 Mỗi tuần chiều Chúa nhật
 Ôn bài học, bài tập
 Ê... a... đọc tiếng ta
 Đúng nghĩa chữ tương thân

Sau Hội Tết năm Dần
 Thanh niên lại tập dượt
 Đón chị Hằng xuống chơi
 Máy tháng hè xả hơi
 Trời bắt đầu lành lạnh
 Vay bạc lo trà bánh
 Đèn vàng đỏ trắng xanh
 Em, cháu, chị cùng anh
 Tập ngày đêm rối rảnh
 Phần văn nghệ lành mạnh
 Đúng cây nhà lá vườn
 Lại thêm được tăng cường
 Đoàn Phật tử Quảng-Đức
 Nổi tiếng chùa Khánh Anh
 Ban ca múa lòng danh
 Khắp Âu Châu biết tiếng
 Cô Bác hết lời khen
 Bỏ công với tập rèn
 Tùng chinh cất tùng phen
 Trẻ em vui rước đèn
 Phụ huynh nhấm trà bánh
 Gánh vác phần gây quỹ
 Phụ thêm phần ủng hộ

Nhờ có ông bà độ
Anh Hoàng cùng chị Phượng
Đảm trách gian hàng Hội
Huệ, Hồng, Hoa, Uyên, Thảo,
Chánh, Hoà, Phượng cùng Tí
Phụ gói bánh mỗi tay
Bán lấy lời trả nợ
Nhờ vậy mà tiền chợ
Không lỗ một đồng nào
Thủ quỹ thờ cái ào
Cảm nghĩa ơn đồng bào
Ủng hộ gian hàng nước
Văn nghệ hay quá xá . . .
Nhờ tập đồ mờ hôi
Ba bốn tháng qua rồi
Dũng, Kiệt, Tân, Đắc, Tám
Khánh, đôn trọng tuyệt vời . . .
Chơi nhiều bàn để đời . . .
Không thua ban “Beatles”
Ca-si chẳng kém ai
Vũ, Hoàng Anh, Thảo, Trâm,
Dung, tiếng hát liêu trai . . .
Trần ngập lời tình ái . . .
Đẹp quá đẹp thừa ngài
Minh Châu với Kim Chi,
Khanh, Hiền với Nam, Huy,
Doanh, Kiên, Giang, Julie,
Quỳnh Trang với Anh Thư . . .
Con cháu múa bướm bay
Ông bà xem nín thở
Ngẩn ngơ quên vỗ tay
Đẹp cả trong lẫn ngoài.

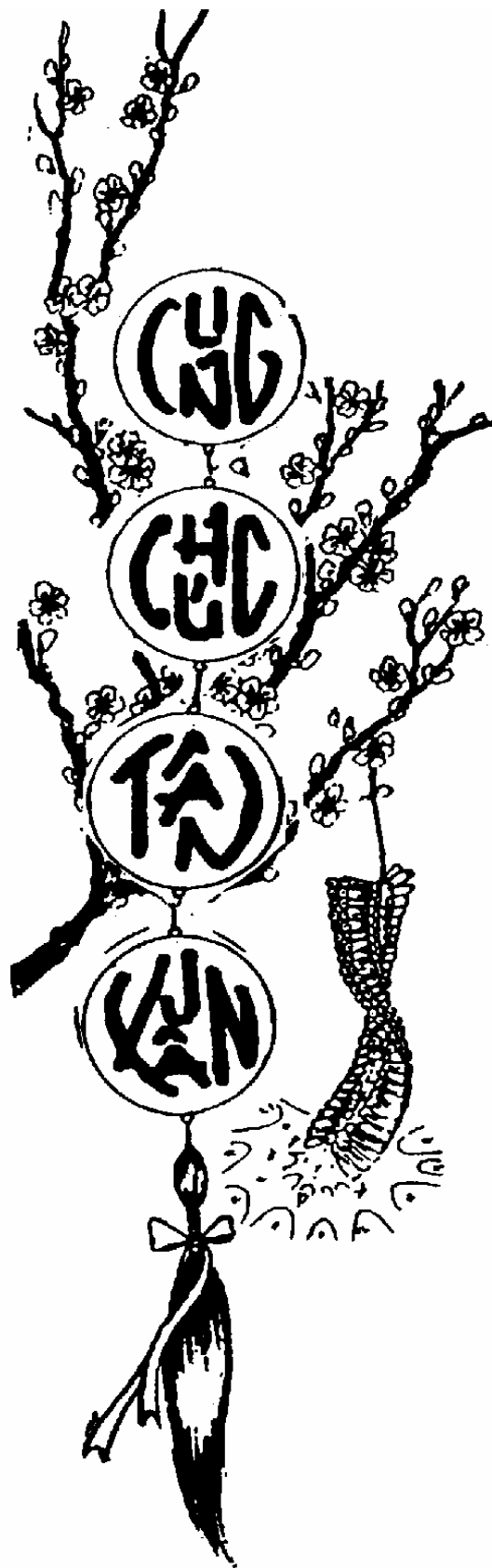
Ban Báo chí chạy bài
Đã ra được bốn số
Người Việt ở Evry
Số năm đang chuẩn bị
Anh chị Khiêm hoan hỉ
Cho mượn máy “cọp-bi”
Lại còn cho luôn giấy
Nghĩa cử biết nói gì ...
Xin nhận ở các em,
Cùng tiếng nói Evry
Lời cảm ơn thành thật ...

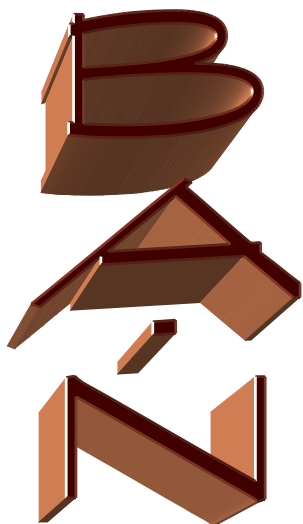
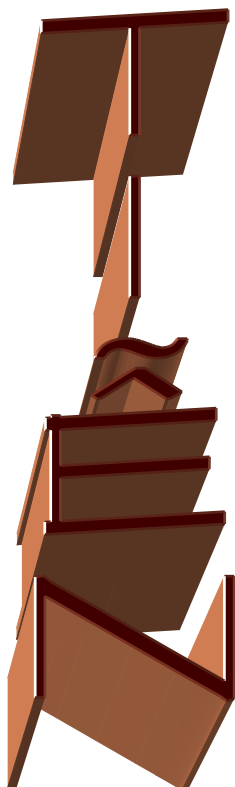
Này giờ thần tấu rồi
Trời cũng sắp tối rồi
Xin mượn đức nhà trời
Xoi rọi khắp mọi nơi
Cảm ơn Cô, Chú, Bác
Cùng bà con xa gần . . .
Đã ủng hộ tinh thần
Còn giúp thêm tài chánh
Để Hội còn sống đời
Giữ gìn chút truyền thống
Của dân Việt Tiên Rồng
Ai là người có lòng
Nỡ nào quên nòi giống
Nên ủng hộ các em
Thần mắt kém tèm lem
Cũng năn nỉ Táo bà
Cho vài chục “Ô-Rô”
Để đóng góp giúp vô
Tết Kỷ Mão, mèo quào
Bà con ta sẽ giàu

Giúp Hội nhà kha khá
 Dân làng ta điệu quá
 Thần cầu trúng Lô-tô
 Nhờ chị Tú, chị Năm
 Nấu thuốc, bắt ông thầy
 Đãi bà con làng xóm

Thánh Thượng ơi ngoài trời
 Tuyết trắng rơi ngập lộ
 Xin cho thần phản bộ
 Trở lại chốn hồng trần
 Mua vài viên bổ gân
 Tối nay đến xem hát
 Hội Tết ở dương trần
 Cho chắc chắn, chắc chân
 “Đảng-xê” cùng bà Táo
 Vui vầy cùng con cháu
 Mỗi năm chỉ một lần
 Đến đây thần cuối lạy
 Chúc Thánh Thượng khương an
 Tuổi tăng tí tí tuổi
 Thần trở về dương thế
 Kẻo trễ chuyến tàu đêm . . .

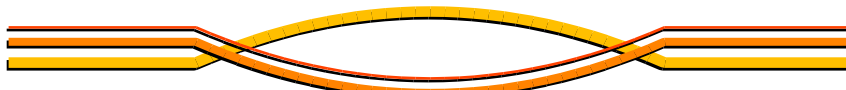
NGUYỄN PHƯƠNG trích lục 1999





Tôi xin gửi đến hai người thân thiết
Những giờong thơ già biệt buổi chia tay
Ta không quen không biết ở quê nhà
Nơi xứ lạ ta trở thành bạn hữu
Nay anh chị vì tương lai cuộc sống
Đành giã từ những người bạn thân thương
Đã một lần anh bỏ xứ ra đi
Thêm lần nữa chị xa rời kỷ niệm
Ở nơi đó những đêm dài mất ngủ
Anh nghĩ gì về kỷ niệm ngày xưa
Về anh em bằng hữu ở Evry
Đối với chị với anh đầy tình nghĩa
Anh có nhớ, chị có buồn cú khóc
Lẽ tự nhiên của những phút phân ly
Chỉ sợ rằng vì cuộc sống bon chen
Những giờong lệ không kịp trào trên má.
Nói vậy chớ biết đâu vùng đất mới
Xứ cờ hoa là xứ chị ra tay
Và cả anh cũng tung cánh chim bằng
Ngày trở lại vang tiếng cười rộn rã.
Thôi không nói những lời lưu luyến nữa
Làm phân tâm chùn bước kẻ ra đi
Xin hãy nhận nơi đây lời thành chúc :
Nhà họ Trần hạnh phúc mãi không thôi.

Giáng sinh 98 T.C.H

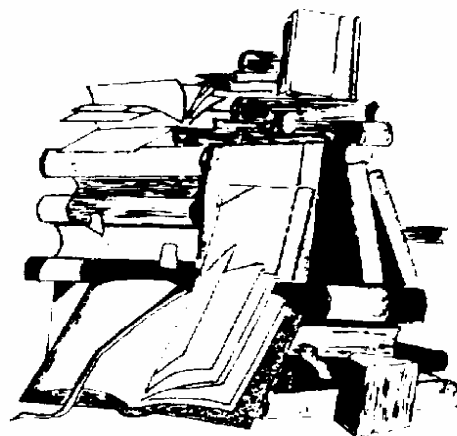


La prodigieuse aventure de la langue vietnamienne

Le fait que la langue vietnamienne ait survécu et qu'elle se soit transmise jusqu'à nous est déjà un exploit peu banal, car il a fallu une formidable volonté, une persévérance sans faille, renouvelées de génération en génération pour qu'aujourd'hui nous puissions encore parler vietnamien.

Le Viet-Nam, on se le rappelle, a été une colonie chinoise dès le II^e siècle avant l'ère chrétienne, et pendant plus de mille ans, la langue officielle, imposée, utilisée dans l'administration comme dans l'enseignement, a été le chinois. Mais les peuples *Việt* qui habitaient le *Việt Nam* avaient leur propre langue ; malheureusement ce n'était qu'une langue parlée : il n'y avait pas d'écriture pour la transcrire, elle ne se transmettait qu'oralement. Pendant tout ce temps, ne l'oublions pas, la langue officielle restait le chinois. Toute personne voulant s'instruire devait l'apprendre, ainsi que l'histoire de la Chine et la philosophie chinoise. Ceux qui avaient l'ambition d'accéder à une position respectable dans la société, de devenir fonctionnaire ou mandarin, devaient exceller en langue et littérature chinoises. Il n'y avait que les analphabètes qui pouvaient se payer le luxe d'ignorer la langue de Confucius.

Et pourtant, cette langue vietnamienne dont les rudiments ont pris naissance dans les ténèbres de la préhistoire, s'est bien transmise jusqu'à nous, polie, enrichie et perfectionnée au fil des âges. Mais que d'obstacles sur son chemin ! Et aussi que



d'obstination de la part de nos ancêtres ! Sinon, elle aurait disparu à un moment ou à un autre de l'histoire. Les occasions, vraiment, ne manquaient pas.

Donc, à côté de la langue chinoise officielle, il y avait toujours une langue parlée qu'on utilisait chez soi, dans la rue, pour communiquer. D'un autre côté, malgré leur furieuse volonté d'indépendance et leurs innombrables tentatives de soulèvements, les Vietnamiens ne répudiaient pas la langue de leurs colonisateurs. La Chine possède une civilisation - il faut l'avouer - plus ancienne, plus évoluée et plus raffinée que nous, il n'y a aucune honte à apprendre sa langue. Les lettrés passaient ainsi leur vie à s'imprégner des subtilités de la littérature et de la philosophie chinoises, ils apprenaient à rédiger des actes, à composer des poèmes en chinois, aussi bien, sinon mieux, que n'importe quel honorable sujet de l'empire céleste. Mais, et ceci est une particularité bien vietnamienne, s'il faut apprendre l'écriture chinoise pour s'instruire et lire les classiques, on n'est nullement obligé

de prononcer cette langue à la façon des Chinois. Ainsi les mots chinois sont-ils prononcés à la vietnamienne, avec des tonalités spécifiquement vietnamiennes, et un authentique Chinois n'y comprendrait rien. C'est le pied de nez de nos ancêtres à l'adresse de leurs colonisateurs. Nos lettrés comprenaient parfaitement les textes chinois mais ils les lisaient à leur façon. D'ailleurs, la prononciation en Chine même varie d'une région à l'autre, et un habitant de la région de Pékin ne comprend pas ce que dit un Cantonais, même s'ils ont la même langue écrite. C'est encore vrai de nos jours. Alors, pourquoi se gêner...

Prenons un exemple. Voici un poème classique chinois bien connu du poète Wang Han, "La Chanson de Liang-Chou" qui dit en substance :

"Beau vin de raisin dans une
fluorescente,

Je veux te boire mais le chant du cistre
m'appelle au départ,

Si je tombe ivre sur-le-champ de
bataille, ne riez pas.

Depuis toujours, combien d'hommes
sont-ils revenus de guerre ?"

Voici à peu près ce qu'on peut
entendre lorsqu'un Chinois de Pékin lit ce
poème :

P'u t'aomei chu ye kuang pei
Yu yin p'i p'a ma shang ts'ui
Tsui wo sha ch'ang chun mo hsiao
Ku lai cheng chang chi jen hui.

Eh bien, un Vietnamien le lira à
sa façon :

Bồ đào mỹ tửu dạ quang bôi,
Dục ẩm tỳ bà mã thượng thôi,
Túy ngọa sa trường quân mạc tiếu,
Cổ lai chinh chiến kỷ nhân hồi.

Les règles de la prosodie
chinoise ainsi que leurs rimes sont
parfaitement respectées, seulement les
sonorités sont vietnamiennes. Un Chinois, s'il
entendait cela, y perdrait son latin, si j'ose
m'exprimer ainsi. Et d'abord, le nom de poète
pour nous c'est Vương Hàn et non pas Wang
Han : tous les noms propres chinois, noms de
personnes ou de lieux sont évidemment
"naturalisés vietnamiens". Il est cependant
nécessaire de préciser qu'un Vietnamien qui
n'aurait pas étudié le chinois ne comprendrait
pas ce que le poème veut dire, car ce n'est pas
du vietnamien, mais du chinois, ou hán
(langue des Hán, dynastie chinoise du Ier
siècle). Mais dans ce court texte vous aurez



sûrement reconnu : chinh chiến (la guerre), sa
trường (champ de sable, dans le sens de champ
de bataille), tỳ bà (le cistre, instrument antique
de musique), et peut-être dạ quang, un
composé de deux mots : nuit et lumière.

Ce sont des mots sino-
vietnamiens, chữ Hán-Việt, car il s'agit de
mots chinois mais adoptés par la langue
vietnamienne, intégrés dans son vocabulaire et
prononcés à la vietnamienne. Le Chinois a
ainsi enrichi notre langue d'une multitude de
vocables dont la plupart des mots abstraits,
comme plus tard il y aurait des mots
empruntés au français ou à l'anglais. Il faut
toutefois reconnaître que le vocabulaire
vietnamien a été considérablement enrichi par
l'apport des mots d'origine chinoise.

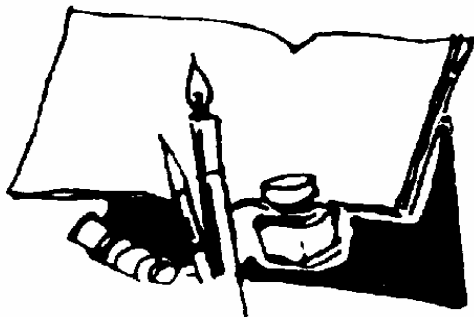
Il y a donc dans la langue vietnamienne actuelle des mots purement vietnamiens qui viennent directement de la langue primitive (ce sont des mots qui désignent les objets courants de tous les jours), et une bonne partie de mots sino-vietnamiens, empruntés au chinois et qui peuvent par diverses combinaisons exprimer des concepts complexes. Dans de nombreux cas, il peut exister une dualité, c'est-à-dire qu'à côté du terme vietnamien, on trouve également un terme sino-vietnamien : on dit indifféremment loài người (l'humanité) ou nhân loại, terme sino-vietnamien. A côté de nước (pays), il y a également quốc, qui sert à former les composés quốc gia (état), quốc tế (international), quốc kỳ (drapeau national) etc...

La langue vietnamienne pendant longtemps n'était qu'une langue parlée, et sans écriture il ne saurait exister une vraie littérature. De cette époque il nous est resté des contes, des légendes, des vers anonymes appelés ca dao, transmis oralement jusqu'à nous. On s'est vite aperçu qu'une nation qui aspire à son indépendance ne peut se passer d'une écriture et qu'il fallait à tout prix trouver un procédé pour transcrire la langue nationale. Nos ancêtres ont utilisé la seule écriture à leur disposition, c'est-à-dire l'écriture chinoise, et imaginé un système pour transcrire leur langue en combinant plusieurs caractères chinois. Ainsi par exemple, pour transcrire le một trăm

(cent), on doit associer le mot chinois lâm (forêt) dont la prononciation rappelle à peu près le mot vietnamien à transcrire, à un autre mot chinois bách, qui signifie cent ; le tout doit être prononcé trăm, qui est le mot vietnamien à transcrire. Mais cette trouvaille ne peut s'appliquer à tous les cas et il fallait imaginer autre chose pour d'autres mots. Tout ceci était très compliqué et peu pratique, mais enfin on disposait d'un outil permettant de transcrire la langue nationale.

On appelait alors cette écriture chữ nôm (de nam : sud, c'est donc l'écriture des gens du sud, par opposition à celle de la Chine du nord). On l'appelle aussi assez improprement écriture démotique (chez les Egyptiens, l'écriture démotique est l'écriture populaire, abrégée de l'écriture hiératique). Il est difficile de situer dans le temps l'invention du nôm, mais on a découvert dans la province de Ninh Bình une stèle datant du XIVe siècle, de l'année 1343 exactement, portant des inscriptions en nôm ; c'est la trace la plus ancienne de cette écriture qu'on ait pu trouver jusqu'à ce jour. Avec l'invention de ce système de transcription, une littérature authentiquement nationale peut enfin voir le jour. Ainsi on peut voir apparaître à partir du XIVe siècle des oeuvres écrites en nôm et cette littérature en langue nationale vieille de sept siècles nous a laissé des chefs-d'oeuvre Chinh Phụ Ngâm de Đoàn Thị Điểm, Kim Vân Kiều de Nguyễn Du, qui ont grandement contribué à polir la langue vietnamienne, la rendant apte à exprimer d'une façon élégante les sentiments les plus complexes . . .

A partir du XVIe siècle, avec le développement des communications maritimes, des Occidentaux commençaient à arriver au Viet-Nam, et parmi eux se trouvaient des missionnaires français, espagnols et portugais. Ces religieux qui



avaient besoin d'un outil pratique pour propager la foi chrétienne ont eu l'idée d'employer l'alphabet latin pour transcrire la langue indigène, ce qui rendrait beaucoup plus facile l'impression des livres et documents servant à la diffusion du christianisme. La création de cette nouvelle écriture était l'oeuvre de plusieurs personnes, mais le principal artisan fut certainement Alexandre de Rhodes (1591-1660), auteur du premier dictionnaire trilingue vietnamien-portugais-latin imprimé à Rome en 1651. Cette écriture romanisée, mille fois plus pratique que les caractères nôm, fut progressivement adoptée pour devenir le quốc ngữ, ou écriture nationale. Au XIXe siècle, le quốc ngữ s'est définitivement imposé aux dépens du chữ nôm. Le Viêt-nam peut être fier d'être le seul pays dans tout le sud-est asiatique à utiliser l'alphabet latin. D'autres pays, notamment le Japon, ont également essayé, mais sans succès, de romaniser leur écriture. Au Viêt-nam, l'entreprise a parfaitement réussi.

La langue vietnamienne est sortie victorieuse de cette aventure, mais non sans mal. Elle a survécu en dépit de plus de mille ans de colonisation chinoise pour être dotée maintenant d'une écriture pratique et moderne. Pendant toute cette longue période sous domination étrangère, il y a eu certainement des personnes qui pensaient qu'il était parfaitement inutile de continuer à parler cette langue vietnamienne. En effet, il aurait été beaucoup plus avisé d'exceller en chinois ; c'était la langue officielle, celle de l'administration, celle du pouvoir et du savoir. Il fallait la connaître pour progresser sur l'échelle sociale, savoir le vietnamien ne rapportait strictement rien du tout. Faces à ces personnes, il y avait heureusement ceux qui défendaient la survie de la langue nationale. Ils formaient la majorité du peuple qui s'obstinaient à parler cette langue, à l'utiliser

dans les conversations de tous les jours. Beaucoup de rois qui étaient de fins lettrés, c'est-à-dire qu'ils maniaient parfaitement le chinois, prenaient des mesures en faveur du nôm, bien que le hán restât la langue officielle de la Cour, le nôm n'étant pas encore assez évolué pour être utilisé dans l'administration. Notamment, l'empereur Quang Trung à la fin du XVIIIe siècle a voulu affermir l'esprit national en substituant progressivement l'écriture nôm à l'écriture chinoise : des actes publics, ses proclamations militaires étaient pour la première fois rédigés dans la langue du pays ; des mesures étaient prises pour traduire les classiques chinois en nôm. Certains rois tels Lê Thánh Tông ou Minh Mạng, composaient des oeuvres politiques en langue nationale.

Sous la colonisation française, la langue vietnamienne était de nouveau menacée, non pas tant du fait de l'administration française mais par toutes ces personnes qui considéraient que savoir parler, lire, écrire parfaitement le français était infiniment plus utile pour se faire une place au soleil. D'ailleurs, le français est une langue si raffinée, si évoluée qu'il aurait été même préférable de remplacer purement et simplement le vietnamien par le français comme langue officielle et nationale. Dans beaucoup de familles riches, on ne parlait que le français, on considérait avec mépris le vietnamien, langue du peuple illettré, et on regardait avec condescendance ceux qui ne savaient que leur langue maternelle. S'il leur arrivait de parler vietnamien, ces personnes considéraient qu'il était de bon ton d'émailler de leur discours d'un grand nombre de termes français, comme si le vocabulaire vietnamien était insuffisant pour suivre les méandres subtils de leur pensée. En tout cas, cela fait plus chic et permet de faire étalage de son instruction. Heureusement là aussi, il y avait

d'autres personnes, telles notamment Phạm Quỳnh, pour prendre vigoureusement la défense du quốc ngữ, affirmant que le Viet-Nam ne subsisterait en tant que nation indépendante que si le quốc ngữ continuait à exister.

Nul doute que le vietnamien restera à jamais la langue officielle du Viet-Nam, il n'y a pas d'inquiétude à ce sujet. Cependant, il est menacé de disparition parmi les jeunes générations de Vietnamiens vivant d'outre-mer. A la suite de circonstances malheureuses, des millions de Vietnamiens ont fui leur pays pour s'établir un peu partout dans le monde. Pour les premiers d'entre eux, cela fait déjà plus de vingt ans. C'est long, vingt années, surtout si l'on est jeune. Pour la nouvelle génération de Vietnamiens qui ont grandi en terre étrangère ou qui y sont nés, le bouleversement historique qui a provoqué le plus grand exode qu'a connu le pays de leurs parents n'est plus qu'un événement très lointain. Les souvenirs se sont estompés. Certains ont même perdu l'habitude de parler leur langue maternelle. Il y a même de grandes personnes qui pensent, encore une fois, qu'il est tout à fait inutile d'encourager leurs enfants à apprendre le vietnamien. Ce qui importe avant tout est la réussite scolaire, et les chers enfants ont à peine le temps de consacrer aux matières obligatoires de leur programme, alors pourquoi charger leur esprit en imposant l'apprentissage d'une langue qui ne leur servira à rien ou presque ? Le vietnamien doit rester la langue nationale ? Fort bien, mais c'est l'affaire des gens qui sont restés au pays. Nous vivons une autre vie dans un autre monde, et nos préoccupations sont totalement différentes. La défense de la langue nationale n'est plus vraiment notre affaire.

S'il y a des personnes pour partager cet avis - et certainement leur nombre

n'est pas négligeable - eh bien, tant pis, mais nous n'allons pas nous lancer dans une discussion sans fin. Mais il y a aussi toutes ces familles qui veillent scrupuleusement à ce que leurs enfants n'oublient pas la langue de leur pays d'origine, qui veulent que les enfants nés en Europe soient habitués dès leur naissance à la langue nationale, sans avoir peur de "perturber" les jeunes esprits qui assimilent en même temps deux langues, celle de la maison et celle de l'école. Leurs efforts sont louables, d'autant plus qu'elles mènent un combat souvent difficile. Les enfants, à l'âge du primaire et du secondaire, préfèrent s'en tenir à la langue qu'ils entendaient le plus souvent, celle de l'école.

Ainsi, cette langue vietnamienne qui a survécu à tous les immenses obstacles pendant plus de deux millénaires serait-elle condamnée à disparaître parmi les Vietnamiens vivant à l'étranger seulement au bout de deux générations ? Qu'elle continue à vivre, cela va dépendre surtout de vous. Avant de vous résigner à la voir disparaître, songer seulement à ceci : Vous devriez être fiers de cette langue vieille



de plus de deux millénaires car elle a connu un destin hors du commun. On peut comparer ce qui est arrivé au pays Việt à ce qui se passait dans la Gaule de Vercingétorix à peu près à la même période. Les Romains ont achevé la conquête de la Gaule en l'an 51 av. J.-C., après la victoire d'Alésia. La colonisation romaine devait durer jusqu'à la fin de l'empire d'occident au IV^e siècle, c'est-à-dire environ cinq cents ans, moitié moins par rapport à la domination chinoise au Viet-Nam.

Or, sous l'occupation romaine, les Gaulois ont rapidement abandonné leur langue pour adopter celle de leurs envahisseurs. Ainsi, le gaulois, principale langue celtique parlée et comprise dans l'Europe occidentale depuis la Belgique jusqu'au nord de l'Espagne, a sombré corps et âme pendant l'occupation romaine. En 1992 a paru un très intéressant Dictionnaire historique de la langue française(*) qui a fait le recensement des mots d'origine gauloise dans la langue française actuelle : il reste en tout et pour tout moins de cent cinquante mots hérités du gaulois, dont seulement une quarantaine sont encore d'un usage courant. C'est cinquante fois moins que les mots d'origine d'arabe qu'on trouve dans le français actuel. Cette disparition de la langue gauloise s'est produite en l'espace de deux siècles, le II^e et III^e siècles ap. J.-C., pendant lesquels les Gaulois ont complètement renoncé à leur langue pour n'utiliser que le latin. Mais la langue propagée par les soldats romains n'était qu'un bas latin, de surcroît prononcé par les Gaulois avec leur accent gaulois, ce qui avait pour le résultat le dialecte gallo-romain, première étape vers le français actuel.

Comment ce peuple réputé fier et rebelle, dirigé par de valeureux chefs de guerre, s'est-il résigné à laisser mourir sa langue ? On a voulu l'expliquer par le fait que le gaulois n'était qu'une langue parlée, elle ne s'écrivait pas, alors que le latin, langue administrative, juridique et commerciale, était une langue moderne, elle s'écrivait et s'appuyait sur une littérature abondante et sur une civilisation conquérante. C'était

exactement les avantages dont jouissait la langue chinoise au Viet-Nam. Pourtant, le vietnamien s'obstinait à vivre. Les raisons politiques, économiques et pratiques ne suffisent pas à expliquer la destruction d'une langue. Alain Rey, qui dirigeait la publication du Dictionnaire historique, a très bien fait remarquer : "Une langue ne survit que si elle est aimée de ceux qui la parlent. Les Gaulois n'aiment pas la leur. Cela devrait nous servir de leçon pour l'avenir..."

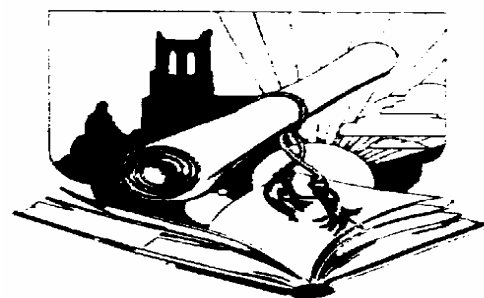
Henriette Walter(**) qui a également étudié le phénomène de la disparition du gaulois a eu cette réflexion qui mérite d'être méditée : "Changer de langue, c'est un peu renoncer à soi-même". Si on abandonne la langue maternelle, on aura fait le choix de couper un lien essentiel qui nous lie à notre origine.

* Editions Le Robert, Paris, 1992, en deux volumes

** Henriette Walter, Le Français dans tous ses états, Paris, Robert Laffont, 1988, p.35

Extrait dans "Lettre ouverte aux jeunes Vietnamiens... qui s'interrogent sur leur origine"

của **VĨNH ĐÀO.**



Truyện Cổ Tích

Contes et Légendes

HOA THỦY TIÊN

Ngày xưa có ông nhà giàu sanh được bốn người con trai. Lúc biết mình sắp chết, ông nhà giàu liền gọi bốn quý tử đến dặn rằng :

- Cha có mạng chung rồi thì các con nên thuận thảo với nhau, đừng giành ai nhiều ai ít mà buồn lòng nhau và cũng tui vong hồn cha nơi chín suối.

Nói rồi người cha thở hơi cuối cùng. Chôn cất cha xong, ba người anh lớn không nhớ lời của cha dặn, tranh nhau lấy nhà đẹp, đất tốt, chỉ để lại cho người em út một mảnh đất cằn với túp lều xiêu vẹo ở gần chân núi.

Nhớ đến lời cha trăng trối, người em đành chấp nhận phần gia tài không ra gì. Buồn tủi số phận, người em thường ra ngồi ở góc nhà than khóc. Một hôm, có một bà tiên hiện đến bảo rằng :

- Nay con, con đừng khóc nữa, khoản đất phần con tuy xấu, nhưng có chứa một kho tàng vô giá. Vậy con hãy nghe lời ta, đem trâu cày bừa, rồi gieo hạt giống này xuống, ngày sau con sẽ thấy một thú hoa vô cùng xinh đẹp nở ra, bấy giờ con sẽ được sang giàu. Ta thấy con hiền lành, hiếu hạnh nên giúp cho đó.

Nói rồi bà tiên trao cho người con út một gói hạt giống, đoạn biến mất. Người con út mừng rỡ, làm theo lời bà tiên căn dặn.

Il était une fois, un riche seigneur qui avait quatre fils. Sentant sa mort approcher, il fit venir ses quatre héritiers et leur fit ainsi ses recommandations :

“Je vais bientôt rejoindre nos ancêtres. Aussi, je vous demande de continuer à vivre en paix et en bonne entente, de ne jamais vous disputer pour savoir qui aura la plus grosse part. Car cela vous attristera tous mutuellement et viendra troubler mon âme durant son séjour au pays des Neuf Cascades”.

Sur ces paroles, l’homme rendit son dernier soupir.

Dès la fin des obsèques, les trois fils aînés ne tinrent pas compte des recommandations paternelles et se disputèrent immédiatement pour s’approprier qui la belle maison, qui la belle parcelle de terrain. Il ne restait à leur infortuné petit frère qu’une mince bande de terre rabougrie avec une cabane penchée et tordue, au pied de la montagne.

Se souvenant des dernières paroles de son père, le jeune homme accepta sa part insignifiante de l’héritage. Triste et résigné, il allait souvent s’asseoir et pleurer dans un coin de sa cabane. C’est ainsi qu’un jour, une fée lui apparut et lui dit :

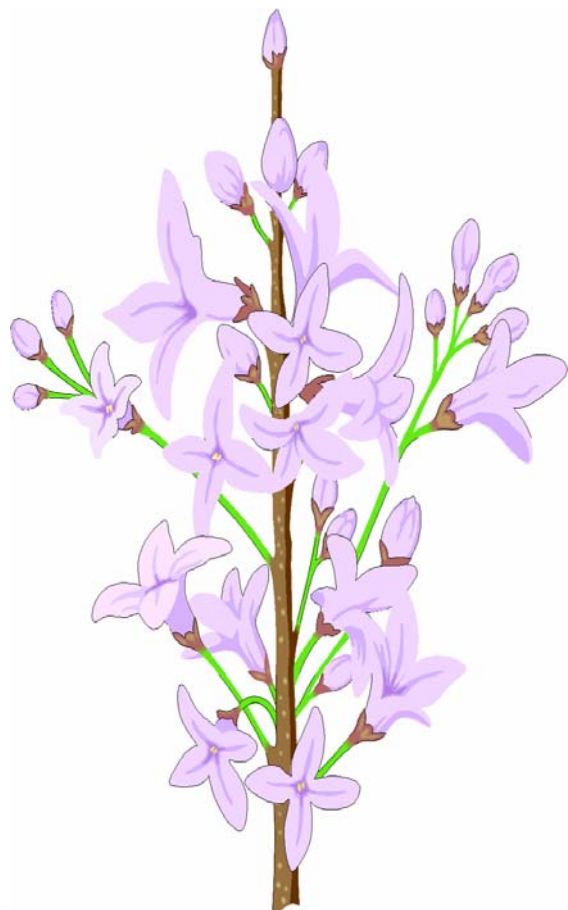
“Mon petit, cesse donc de pleurer. Car ta parcelle de terre, bien que minuscule et

Đến mùa xuân đó, đúng như lời bà tiên nói, mảng đất mọc lên một thứ cây khác lạ, trổ hoa trắng nhụy vàng, hương thơm ngào ngạt. Để nhớ ơn bà tiên, người con út đặt tên hoa là Thủy-Tiên.

Các người yêu hoa và các nhà phú hộ thấy hoa lạ đẹp xinh, hương thơm ngây ngất, liền tranh nhau mua, đem về chưng bày ở giữa nhà cho mọi người thưởng thức. Vì vậy, hoa Thủy-Tiên bán rất chạy, chẳng mấy năm mà người con út trở nên giàu có hơn các người anh mình.

Ở nước ta, ngày nay mỗi lúc Tết đến, nhiều nhà mua hoa Thủy-Tiên về gọt thật khéo, sẵn sóc từng chút để chờ đêm giao thừa nở, là điềm may mắn đem tài lộc lại cho nhà mình.

Trích trong :
"Truyện Cổ Tích của Tô Nguyệt Đình".



peu fertile, recèle un trésor inestimable. Ecoute-moi bien : attelle ton buffle pour aller labourer et ensuite enfouir cette variété de semis. Tu verras, plus tard, pousser et s'épanouir une fleur splendide qui fera ta fortune. C'est parce j'ai vu ta gentillesse et ta bonté, que je veux t'aider''.

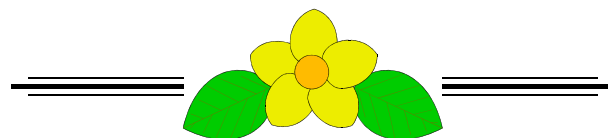
Elle lui remet un sachet de semis et disparut. Et le plus jeune des fils, tout heureux, agit exactement comme la fée lui avait recommandé.

Le printemps venu, exactement comme l'avait annoncé la fée, on vit s'élever de la petite parcelle de terre une plante très étonnante avec de belles fleurs blanches au pistil jaune et dégageant un parfum doux et capiteux. En reconnaissance et en souvenir de la fée, le jeune homme appela sa fleur "Eau de Fée" : le narcisse actuel.

Tous les amoureux des fleurs et les riches admirèrent cette belle fleur au parfum enivrant et se mirent à se disputer pour l'acheter, afin de la ramener à la maison et l'exposer à la contemplation de tous. C'est pourquoi le narcisse se vendit si bien et l'on vit la fortune du frère cadet dépasser de loin celle de ses frères aînés.

Depuis lors, dans notre pays, chaque année à la fête du Nouvel An, de nombreuses familles achètent la fleur "Eau de Fée" ou narcisse, pour ensuite bien la tailler et lui prodiguer mille soins afin de la voir s'épanouir la nuit qui précède le Nouvel An et apporter la Chance et la Prospérité à toute la maison.

Extrait des "Contes et Légendes d'autrefois" de Tô Nguyệt Đình.



Đố vui

Người Việt Evry

I/. Những dãy số :

Trong những hàng số, bạn hãy nghiên cứu thật kỹ cách biến chuyển của mỗi hàng số dưới đây, nó tuân theo một định luật nào đó ! Nếu bạn tìm ra được, hãy thay thế vào chỗ của dấu “?” bằng con số thích hợp nhất !

Thí dụ: trong dãy số sau đây 5 7 9 11 13 15 17 ?

Ta có thể đoán được : số đi sau = số đi trước + 2

do đó “ ? ” sẽ được thay thế bằng số 19 (17 + 2)

Thật là giản dị vô cùng !!!!!!!!!!!

Và sau đây là những dãy số khác để các bạn trở tài !

1.	12	13	15	18	22	27	33	?
2.	4	11	17	22	26	29	31	?
3.	67	64	59	52	43	31	19	?
4.	33	30	28	25	23	20	18	?
5.	1	1	3	6	24	72	360	?
6.	3	6	18	54	108	216	618	?
7.	13	14	12	15	10	18	5	?
8.	18	13	8	18	38	33	28	?
9.	2	5	10	14	28	33	66	?
10.	1	5	5	9	13	26	30	?



Chú ý : được quyền áp dụng đủ mọi phép tính cộng, trừ, nhân, chia, bậc số (lũy thừa) ...

II/. Đố trí :

1/. Không cần giấy bút, bạn hãy tính nhẩm và thật nhanh bài toán đơn giản : đem 30 chia cho 1/2 và cộng thêm 10. Kết quả là bao nhiêu ?

2/. Theo người Á Đông, bà con trong họ hàng không có quyền lấy nhau. Nhưng trong trường hợp một người đàn ông muốn xin được lấy người em của bà vợ góa của mình. Bạn nghĩ gì trong trường hợp này ? ? ?

3/. Biết rằng tùy theo năm nhuận hay không mà ta có những tháng có 28, hoặc 29 ngày. Vậy theo bạn, trong những năm nhuận ta có bao nhiêu tháng có đủ 29 ngày ?

4/. Ai ở Pháp cũng đều biết ba màu : xanh, trắng, đỏ là màu của quốc kỳ Pháp. Và chắc rằng bạn cũng đã có dịp gặp một số người mang “bờ-rờ-tên” (bretelle), màu xanh, trắng, đỏ. Tại sao vậy ?

5/. Một người làm việc gác đêm (gardien de nuit). Ông ta bị chết vào ban ngày. Theo luật lao động của Pháp, ông ta có quyền hưởng tiền cấp dưỡng (pension) hay không ?

Giải đáp trang 23

Lạc loài

*Lạc thang giữa phố đông người
Riêng mình một bóng đơn côi
Đâu đây ngập tiếng vui cười
Sao sâu, hận, tủi chưa người ...?*

*Mình ta đi giữa phố buồn
Ngập trời giá buốt mưa tuôn
Âm thầm đếm từng bước nhỏ
Mưa rơi hay giọt lệ buồn ?*

*Hồn đây ấp những niềm riêng
Đời ta lắm nỗi ưu phiền
Bơ vơ như chim bạt gió
Chỉ mong giấc ngủ bình yên.*

*Hãy khép kín lại cõi lòng
Hãy như một vì sao băng
Cho hồn bình an chìm lắng
Hận sâu khoá chặt trong tâm.*

Huỳnh Huyền Thúy Vũ

Ta muốn

Ta muốn lãng quên
Cõi đời ô trọc
Bao lần ta khóc
Cho cuộc tình buồn.

Ta muốn lãng quên
Một cuộc tình sâu
Một cuộc bể dâu
Một lần dang dở

Thì thời đã đành
Như chim gãy cán
Trốn vào rừng xanh
Tìm nơi ẩn náo
Chữa vết thương đau.

Ta muốn lãng quên
Tình đời ngang trái
Nhiều nỗi chua cay
Làm tim tê tái.

Ta muốn lãng quên
Một lần làm lỡ
Một phút ăn năn
Một lần sám hối
Bao lần gian dối
Của kẻ tha nhân.



Ta muốn lãng quên
Một đời giông bão
Một đời lao đao
Một lần vấp ngã
Xô đẩy đời ta
Vào trong bão tố.

Thì thời đành vậy
Giọng cười đứng lên
Tiếp cuộc hành trình
Nợ đời phải trả
Hết kiếp nhân sinh.

l
ã
n
g

q
u
ê
n

Ve Sầu



Bèo Giọt

Mười mấy năm rồi em nhớ không ?
Đường đi chẵn lối nước đưa giòng,
Đời ta tan tác về muôn hướng
Nước mắt rơi dài trên biển đông.
Tìm kiếm tương lai trong tay hẹp,
Nắm giữ được gì không hỡ em ?
Công danh sự nghiệp chần chịt quá,
Vận số nằm trong con nước đen.
Em hỏi tôi còn mộng thiết tha,
Nửa đêm mài kiếm cứu sơn hà
Mở người áo vải Lam Sơn trước
Hay chuyện sang Tàu như Kinh Kha ?
Mười mấy năm rồi mưa trắng đêm,
Xao xác trắng phai ngã bóng chìm.
Đời trôi như thể cơn bèo giọt,
Mỗi hận năm nào chẳng giám quên.
Em ơi xứ ấy chắc buồn hui,
Đời vắng lặng theo mỗi buổi chiều.
Mưa bay mờ mắt em tôi đó,
Vóc hoa ngày ấy cũng tàn xiêu.
Mưa trắng đêm qua sạch lá rừng,
Em cô con gái mộng gì không ?
Mùa xuân sẽ đến em chờ nhé !
Nước mắt hôm nào sẽ lắng trong.

Hè 1987.

Huỳnh Huyền Vân Trang

Anh một lần sơ sẩy,
Làm vỡ giấc mộng đây.
Em một lần xô đẩy,
Bóp nát tình trong tay.

Ước mơ chừng nhỏ dại,
Với cuộc đời trăm năm.
Tuổi thơ chừng hư hại,
Với tình yêu trong tâm.

Anh mang mãi niềm đau,
Ấp ủ hồn một lối.
Từng giọt từng giọt sầu,
Gọi tình rơi, tình rơi !

Sông đời sang nhánh rẽ,
Xoay dần chuyện bể dâu.
Ta đâu còn son trẻ,
Mà tính chuyện cơ cầu.

Ngày mai đường cát bụi,
Xóa dần vết thời gian.
Thôi kệ đời may rủi,
Thôi mặc tình đi hoang.



V
ỡ
g
i
ấ
c
m
ộ
n
g
đ
ầ
y
...



Histoire du Việt Nam S. 5

Vào cuối đời nhà Đinh, vua Đinh Tuệ còn nhỏ nên Thập Đạo Tướng quân Lê Hoàn làm nhiếp chính. Nhà Tống bên Tàu cho là cơ hội tốt, khởi đại binh tràn sang chinh phục nước ta. Trước tình hình đó, Dương Thái Hậu (mẹ của vua Đinh Tuệ) hội ý cùng quần thần, đồng nhất tôn cử Lê Hoàn lên làm vua để điều khiển binh mã chống giặc ngoại xâm.

Lê Hoàn lên ngôi, tự xưng là Đại Hành Hoàng Đế, lấy niên hiệu là Thiên Phúc (980-988), rồi Hưng Thống (989-993), và Ứng Thiên (994-1005). Một mặt ông cho sứ sang cầu hòa, mặt khác chuẩn bị binh sĩ, bố trí khắp nơi. Lợi dụng địa thế núi rừng hiểm trở, Lê Hoàn giả thua bỏ chạy, dụ quân địch vào hiểm địa, rồi xua quân phản công. Quân địch không quen địa thổ, bị đánh phá tan tành phải rút lui về Tàu.

Dù đại thắng vẻ vang, nhưng Lê Hoàn vẫn biết lực lượng nước ta còn yếu kém nên sai sứ sang Tàu cầu hòa để chỉnh đốn lại nội an. Vua Tống chấp nhận, phong cho ông chức Tiết Độ Sứ, và đến năm Đinh Dậu (997) thì cất lên chức Nam Bình Vương.

Vào năm 981, lấy cớ vua Chiêm Thành (ở phía Nam nước ta) bỏ việc triều cống và cho quân lính phá rối các vùng biên giới, Lê Đại Hành huy động quân lực, mở cuộc Nam chinh. Quân Chiêm bình đánh bại khắp nơi, vua Chiêm đành phải cử sứ mang cống lễ xin hàng và chịu thuần phục nhà Lê.

Sau khi bờ cõi trong ngoài đã được ổn định, Lê Đại Hành nghĩ đến việc mở mang đất

A la fin de la dynastie des Đinh, le roi Đinh Tuệ étant encore très jeune, la régence fut assurée par le Général Lê Hoàn. En Chine, les Tống estimèrent que c'était là une bonne occasion pour aller envahir notre pays. Devant cette situation, la Reine-Mère Dương Thái Hậu (mère du roi Đinh Tuệ) en accord avec l'ensemble des Mandarins, prit la décision commune de porter Lê Hoàn sur le trône, afin de prendre le commandement de l'Armée et de la Cavalerie qui vont s'opposer à l'envahisseur.

A son avènement, Lê Hoàn pris le nom de Đại Hành Hoàng Đế et choisit comme noms de règne successivement Thiên Phúc (980-988), puis Hưng Thống (989-993) et enfin Ứng Thiên (994-1005). D'un côté, il envoya des émissaires de paix ; de l'autre, il préparait ses troupes et les répartissait en de nombreuses régions. Profitant de sa parfaite connaissance des sites périlleux que sont nos montagnes et nos forêts, Lê Hoàn simula la fuite, entraîna l'ennemi dans ces régions dangereuses et fit alors surgir ses soldats en une contre-attaque foudroyante. L'armée ennemie, connaissant mal les particularités géographiques, fut anéantie et dut s'enfuir en Chine.

Malgré cette éclatante victoire, Lê Hoàn savait bien que les forces de notre pays étaient encore médiocres. Aussi, envoya-t-il en

nước. Trước đó, mọi việc buôn bán trong dân gian chỉ hạn chế trong sự trao đổi đồ đạc, vật liệu mà thôi. Năm 984, bắt chước bên Tàu, vua Lê cho đúc tiền Thiên Phúc để tiện việc buôn bán, định lại luật pháp trong triều, cho mở mang đường lộ giao thông, khuyến khích người dân cày ruộng trồng trọt. Vào năm 1002, ông đặt lại cách tổ chức đội ngũ binh lính chặt chẽ hơn để tăng cường lực lượng quân sự để bảo vệ nội an và đề phòng ngoại xâm.

Năm Ất Ty (1005), vua Lê Đại Hành qua đời, trị vì được 24 năm, thọ 65 tuổi.

Các ông hoàng tộc tranh giành nhau ngôi vua, chia phe làm loạn. Thái tử Long Việt lên ngôi chưa được ba ngày thì bị Long Đĩnh cho người vào cung hạ sát rồi tự xưng làm vua.

Long Đĩnh là một ông vua nổi tiếng là hoang dâm và tàn ác nhất trong lịch sử nước ta. Vì trác táng quá độ nên mang bệnh lúc vào coi triều ngồi không nổi phải nằm trên long sàng, nên người đời còn gọi ông là Ngọa Triều Đế. Tánh hiếu sát nên ông cho đặt ra các luật hành hình rất độc ác : quán rom vào tội nhân rồi châm lửa đốt, bắt tội nhân leo lên cây cao rồi cho đốn cây ngã, cho lính róc mía trên đầu các nhà sư để vắn tội.... Với chính sách tàn bạo này, quân cũng như dân, ai nấy đều chán ghét. Rất may, ông chỉ làm vua được 4 năm (1005-1009) thì mất, thọ được 24 tuổi.

Triều đình nhà Lê lúc này bắt đầu sinh biến, quân dân không còn thuần phục nữa. Trong số quan triều đình lúc bấy giờ có ông Lý Công Uẩn, đang giữ chức Điện Tiền Chỉ Huy sứ, là người có tư cách và chí khí lớn, nên được mọi người tiến cử lên làm vua. Ông lên ngôi lấy hiệu là Thái Tổ, cho dời kinh đô về La thành.

Vua Lý lúc nhỏ mồ côi, được nhà sư Vạn Hạnh nuôi dưỡng nên rất trọng đãi Phật giáo. Ông khuyến khích xây lập chùa chiền khắp nơi, giúp tu bổ lại các chùa đổ nát. Nhà vua cũng săn sóc việc văn học, cho lập nhà Văn miếu để tôn sùng Nho học, mở khoa thi Tam giáo (Khổng giáo, Phật giáo, Lão giáo).

Luật pháp cũng được quy định lại, phóng thích bớt các phạm nhân bị giam giữ, miễn thuế má mấy năm liền để dân chúng ổn định làm ăn, buôn bán....

Chine des émissaires pour demander le cessez-le-feu et ramener ainsi la paix intérieure. L'Empereur de Chine, l'approuva et lui conféra le titre de Tiết Độ Sứ (Gouverneur de Région), puis, en l'an Đinh Dậu 997, l'éleva au titre de Nam Bình Vương (Roi de la Province du Sud).

En 981, prenant pour prétexte le fait que le roi Chiêm Thành (au sud de notre pays) avait négligé de payer les tributs à la Cour et qu'il avait laissé ses soldats créer des troubles dans les régions frontalières, le roi Lê Đại Hành rassembla ses troupes et, ainsi, débuta la Guerre du Sud. L'armée de Chiêm fut battue partout et son roi dut nommer un émissaire pour présenter son tribut et sa reddition, ainsi que sa soumission à la dynastie des Lê.



Après avoir ramené la paix à l'intérieur et à l'extérieur du pays, Lê Đại Hành songea au développement économique de la nation. Auparavant, le commerce au niveau de la population se réduisait à de simples trocs ou à des échanges de matériaux. En 984, le roi Lê, imitant en cela la Chine, autorisa la frappe de la monnaie appelée "le Bonheur Céleste" pour favoriser le commerce, modifia les règlements de la Cour, entreprit d'agrandir les voies de communication et incita les paysans à l'agriculture et à l'élevage. Et en 1002, il réorganisa l'armée et en renforça les rangs afin d'accroître la puissance des troupes qui devaient assurer à la fois la paix intérieure et la défense contre les envahisseurs.

En l'année Ất Ty 1005, le roi Lê Đại Hành mourut à l'âge de 65 ans, après 24 ans de règne.

Lấy kinh nghiệm các triều trước luôn có việc nhiều loạn, vua Lý cho tổ chức lại binh chế và việc luyện tập quân sĩ. Tuy không có những trận đánh lớn xảy ra trong thời gian này, nhưng nhà vua cũng phải xuất chinh không ngừng để đánh dẹp các cuộc nhiễu loạn ở các vùng biên giới.

Về mặt ngoại giao, mối liên lạc giữa nước ta và nhà Tống lúc này rất là êm đẹp. Lý Thái Tổ được vua Tống phong làm Giao Chỉ Quận Vương (1010), sau nâng lên làm Nam Bình Vương (1016). Năm Mậu Ngọ, vua Lý cho người sang Tàu xin thỉnh kinh Tam Tạng về truyền bá trong nước.

Với chính sách thương dân, yêu nước, giữ niềm giao hảo với Tống triều, nhà vua đã xây dựng và củng cố nước nhà được vững mạnh về mọi mặt trong suốt 19 năm trị vì. Lý Thái Tổ mất năm 1028, thọ được 55 tuổi.

Thái tử Phật Mã lên ngôi lấy hiệu là Thái Tông. Là một ông vua rất thương dân, ngài cho sửa lại luật pháp bớt gắt gao, đặt ra cách tra hỏi tù phạm một cách nhân đạo, cho bãi bỏ việc mua người làm tội tở, miễn thuế cho dân chúng trong những năm thiên tai mất mùa... Vào năm 1042, ngài đổi lấy niên hiệu là Minh Đạo để tỏ cho thấy lòng thương dân, yêu nước của mình.

Năm Giáp Thân (1044), để trừng phạt quân Chiêm bỏ việc triều cống, lại thường đẩy binh đánh phá các vùng biên giới phía nam, vua Lý thân chinh cất quân đánh Chiêm Thành. Quân địch đại bại, các tướng Chiêm nổi lên giết vua là Xạ Đẩu rồi ra hàng và xin thần phục lại như cũ. Đại thắng, nhà vua hiển hách kéo quân về.

Vua Thái Tông mất năm 1054. Thái tử Nhật Tông lên ngôi gọi là Lý Thánh Tông, cho đặt quốc hiệu là Đại Việt.



Les membres de la famille royale se disputèrent le trône et se divisèrent en des clans, créant ainsi désordre et insécurité. Le prince héritier Long Việt n'était monté sur le trône que depuis trois jours, lorsqu'il fut assassiné par un homme aux ordres de Long Đình. Ce dernier se proclama roi.

Long Đình eut la réputation du roi le plus débauché et le plus cruel de toute notre Histoire. Ses excès de débauches lui apportèrent des maladies qui l'obligèrent, par manque de forces, à assister aux audiences de la Cour en position non pas assise mais allongée sur le lit royal : c'est pourquoi on l'appela aussi Ngọa Triều Đế (le Roi-qui-donne-audience-couché). De plus, son amour du massacre lui a fait prendre des lois très cruelles concernant l'exécution des criminels : entourer le corps du condamné de paille à laquelle on mettait le feu, obliger le prisonnier à grimper au sommet d'un arbre qu'on abattait ensuite, ordonner aux soldats d'écarter des cannes à sucre au-dessus de la tête des bonzes pendant leur interrogatoire. Sous un tel régime de cruauté, les soldats comme la population se mirent tous à détester ce roi. Par chance, ce dernier ne régna que pendant 4 ans (de 1005 à 1009) et mourut à l'âge de 24 ans.

A cette époque, la cour des Lê commençait à s'écrouler et les soldats n'étaient plus soumis. Parmi les notables de la Cour se trouvait Lê Công Uẩn qui avait le titre de Điện Tiền Chỉ Huy Sứ (Délégué du Commandant Suprême) et était remarquable par sa grande personnalité et sa force de caractère. Ce qui faisait que tout le monde voulut l'élire roi. Il monta ainsi sur le trône sous le nom de Lý Thái Tổ et déplaça le siège de la capitale à La Thành.

Lorsqu'il était orphelin, le roi Lý avait été recueilli et élevé par le Vénérable Vạn Hạnh. C'est pourquoi il considérait le Bouddhisme avec beaucoup de respect. Il poussa à la construction de nombreuses pagodes et aida à la reconstruction de celles qui étaient délabrées. Le Roi s'occupa également des affaires littéraires, fit créer le Temple National de Confucius pour

Vua Thánh Tông nổi tiếng là một vị anh quân và có nhiều đức độ. Ngài lấy sự thương dân làm căn bản, ban chiếu khuyến khích và giúp đỡ cho việc phát triển nông nghiệp. Trong những năm bị thiên tai hoặc đại hạn, không những miễn thuế mà còn lấy tiền của trong kho ra chẩn cấp cho dân chúng.

Nhà vua cũng cho định lại triều phục, quan cấp để triều nghi được vẻ trang nghiêm. Nhằm tránh sự sa ngã của các quan lại, ông đặt ra tiền dưỡng liêm (lương bổng cho các quan).

Về quân sự, quân đội được tổ chức lại chu đáo. Người dân đến tuổi phải đi lính một thời gian ngắn (quân dịch) tại địa phương, vừa luyện tập quân sự, vừa làm việc đồng áng. Các lực lượng lính thường trực thì được phân chia và tập luyện theo từng binh đoàn chuyên môn : quân chú chiến để đóng giữ và chiến đấu tại chỗ, quân thác chiến để dùng vào các cuộc tấn công lưu động, quân phiên binh để canh giữ thành trại ... cách tổ chức khá hoàn bị này đã đẩy nước nhà trở thành một cường quốc về quân sự tại vùng Đông Nam Á Châu lúc bấy giờ.

Năm 1068, cũng như dưới thời vua Thái Tông, nước Chiêm bỏ việc triều cống và phá rối biên giới. Vua Thánh Tông nổi nghiệp phụ vương lại đem quân trừng phạt. Thêm một lần nữa, quân Chiêm đại bại khắp nơi, quân ta dưới sự lãnh đạo của Đại tướng Lý Thường Kiệt dùng đường thủy tiến đánh và vượt bắt vua Chiêm đến tận cùng biên giới nước Chân Lạp (vùng Phan Thiết ngày nay). Vua Chiêm là Chế Củ xin hàng, và dâng cho nhà Lý ba vùng đất (là ba châu Bố Chính, Ma Linh và Địa Lý) để chuộc tội. Bắt đầu từ đây đánh dấu cuộc nam tiến của dân tộc Việt.

Về văn hóa, vua Thánh Tông tiếp nối con đường của các vị vua trước : cho truyền bá và khuyến khích việc phát triển tam giáo. Đặc biệt nhà vua còn cho xây dựng văn miếu thờ Khổng tử, đức tượng các nhà nho học. Dù được du nhập vào nước ta sau đạo Phật, nhưng nhờ sự cổ súy của các đời vua sau này mà Nho giáo đã phát triển mạnh mẽ và trở thành nền tảng cho văn học nước ta từ đây./.



vénérer la Doctrine des Lettrés et, enfin, ouvrit les concours des Trois Religions (Confucianisme, Bouddhisme, Taoïsme).

Les lois furent remaniées, les prisonniers ont vu leurs peines diminuer et la dispense d'impôts pendant plusieurs années consécutives fut décidée pour favoriser les activités commerciales. Profitant de l'expérience des règnes précédents concernant les troubles sociaux, le roi Lý réforma l'organisation de l'armée et l'entraînement des troupes. Bien qu'il n'y eut pas de grandes batailles à cette époque, il devait sans cesse partir en guerre pour combattre les nombreux soulèvements qui ont eu lieu dans les régions frontalières.

Quant aux activités diplomatiques, les relations établies, à cette époque, entre notre pays et la Dynastie des Tống ont apporté une paisible tranquillité. Lý Thái Tổ se vit nommer par le roi Tống, Roi de la Province de Giao Chỉ (1010), et plus tard, il fut promu Nam Bình Vương, Roi de la Région du Sud (1016). Enfin, en l'année Mậu Ngọ, le roi Lý envoya un émissaire en Chine pour y rechercher les Trois Livres de Prières (du Bouddhisme) afin de les diffuser dans tout le pays.

Avec la politique d'amour du peuple et de la nation, et grâce aux relations cordiales entretenues avec le régime des Tống, notre roi a pu consolider et renforcer le pays à tous points de vue durant les 19 années de son règne. Lý Thái Tổ mourut en 1028 à l'âge de 55 ans.

Le prince Phật Mã monta sur le trône sous le nom de Thái Tôn. Ce fut un roi qui



aimait beaucoup son peuple, diminua la rigueur des lois, introduisit le caractère humanitaire dans les interrogatoires des prisonniers, abolit l'esclavage et décréta la dispense des impôts durant les années de mauvaise récolte... En 1042, il décida de changer de nom de règne et choisit celui de Minh Đạo (Vertu Brillante) pour témoigner de son affection pour le peuple et de son amour pour le pays.

En l'année Giáp Thân (1044), pour punir les troupes qui ne versent plus les tributs à la

Cour et pour engager des soldats dans les combats près des frontières du Sud, le roi prit lui-même le commandement de l'armée pour attaquer Chiêm Thành (la capitale du Nord). Après une défaite retentissante, les généraux Chiêm se soulevèrent et tuèrent leur roi Xạ Đẩu avant de rendre les armes et de se soumettre comme autrefois. Après un tel succès, le roi ramena glorieusement ses troupes au pays.

Le roi Thái Tông mourut en 1054. Le prince Nhật Tông accéda au trône sous le nom de Lý Thánh Tông et donna au pays le nom de Đại Việt.

Le roi Thánh Tông acquit une réputation de courage et de nombreuses qualités. Lui aussi, prit pour principe l'amour du peuple et s'appliqua à promouvoir et à aider tout ce qui contribuait au développement de l'agriculture. Durant les années de catastrophes naturelles et de grande sécheresse, il décréta non seulement la suppression des impôts, mais aussi puisa dans les réserves du Trésor national pour aider les pauvres gens.

Le roi modifia également les uniformes de la Cour et rendit leur sérieux aux rites de la Cour. Afin d'éviter aux officiers de tomber dans la concussion, il institua les ' aides à l'intégrité ' (salaire destiné à ces officiers).

En ce qui concerne l'armée, il la réorganisa avec soin. Les citoyens arrivés en âge de servir dans l'armée, effectuaient une courte période dans la région, faisant à la fois de l'entraînement au service militaire et des travaux champêtres. Les forces armées régulières étaient réparties en unités différentes et spécialisées : unités spéciales de combat pour défendre et combattre sur place ; unités d'action et d'extension pour les mouvements d'invasion ; unités de garde pour assurer la protection des villes et des camps... Cette organisation militaire parfaite a fait que notre pays devint une des grandes puissances militaires du Sud Est Asiatique de cette époque-là.

En 1068, comme sous le règne de Thái Tông, le pays Chiêm omit d'apporter les tributs à la Cour et créa des troubles aux frontières. Le roi Thánh Tông suivit l'exemple de son père et conduisit son armée pour aller punir les révoltés. Ainsi, une nouvelle fois, les Chiêm furent battus partout. Nos troupes, sous le commandement du Généralissime Lý Thường Kiệt, utilisèrent la voie maritime pour attaquer et battre le roi Chiêm jusqu'au fin fond des frontières du pays Chân Lạp (actuelle région de Phan Thiết). Chế Củ, le roi des Chiêm, se rendit et offrit à la dynastie des Lý trois régions en guise de reddition : régions de Bố Chính, de Ma Linh et de Địa Lý. C'est de ce moment que date le début de l'extension du peuple vietnamien vers le sud.

Du point de vue culturel, le roi Thánh Tông poursuivit l'oeuvre de ses prédécesseurs : diffusion et encouragement de l'enseignement des Trois Religions. Et, plus spécialement, le roi édifia un temple en l'honneur de Confucius, père fondateur des grands lettrés. Bien qu'elle ait été intégrée dans notre pays après l'avènement du Bouddhisme, la doctrine de Confucius a bénéficié des efforts constants des règnes successifs pour se développer et s'intensifier et devint la base de tout le domaine culturel de notre pays depuis cette époque-là.

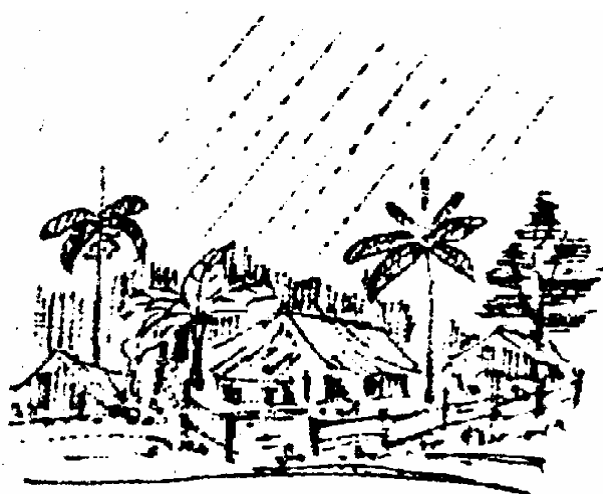
Hè Kỷ Niệm

Tôi trở lại trong một chiều rực nắng
 Lòng băng khuôn với cảnh vật ngày xưa
 Vẫn còn đây dáng vẻ của năm nào
 Ôi thương quá quê tôi đầy kỷ niệm
 Ngôi trường cũ vẫn phơi mình trong gió
 Vài đám rong rêu phủ ở bờ tường
 Văng vẳng đâu tiếng nhạc của ve sầu
 Hoa phượng đỏ rực màu trong ánh nắng
 Tôi đứng lặng nhìn nơi tôi đã sống
 Đã trải qua những ngày tháng vô tư
 Những vui buồn lẫn lộn tuổi hồn nhiên
 Chợt bỗng thấy hình như cay trong mắt
 Thôi không dám đứng nhìn lâu hơn nữa
 Vội bước đi mà lòng thấy băng khuâng
 Một nỗi buồn chen lẫn một niềm vui
 Vì thấy được điều mình từng ấp ủ
 Thơ thần bước ra ngoài thành phố cũ
 Một mùi hương thiếu vắng đã từ lâu
 Mùi lúa thơm bát ngát quyện vào lòng
 Thật đẹp quá cánh đồng ngào ngạt gió
 Chiều trở lại bên chiếc cầu Cái Côi
 Giòng sông trôi êm ả thật hiền hòa
 Bên kia bờ ngập ánh bóng dừa xanh
 Con đò nhỏ lững lờ đưa rước khách

Những cảnh vật sau nhiều năm xa cách
 Vẫn bao la vẫn đầy ấp chân tình
 Giọt nắng chiều nhẹ nhẹ buổi hoàng hôn
 Trái lất lánh trên mặt hồ chung thủy
 Nhắm mắt lại để thu hồi tất cả
 Một cánh đồng, ngôi trường cũ, con sông
 Ta phải đi nhưng hứa sẽ trở về
 Xin đợi nhé quê hương, chào giá biệt.

T.C.H

(Tặng những người quê ở Bến Tre)



Giải đáp đố vui

- | | |
|-------------------------------------|-------------------------|
| +1, +2, +3, +4, ... | 1. 70 |
| +7, +6 +5, +4, ... | 2. Ông ta chết rồi... |
| -3, -5, -7, -9, ... | 3. 12 tháng |
| -3, -2, -3, -2, ... | 4. Để giữ cho khỏi tuột |
| x1, x3, x2, x4, x3, x5, x4, ... | 5. Ông ta chết rồi... |
| x2, x3, x3, x2, x2, x3, ... | |
| +1, -2, +3, -5, +8, -13, +21, ... | |
| -5, -5, +10, +20, -5, -5, +10, ... | |
| +3, x2, +4, x2, +5, x2, +6, ... | |
| +4, x1, +4, +4, x2, +4, +4, +4, ... | |

Truyện ngắn



*Nước nào cũng có cái lễ đầu năm.
Nước ta cũng vậy,
Lễ Tết ...*

Dân Việt Nam trọng lễ nghĩa, nhớ cội nguồn, Tết cũng là dịp con cháu bày tỏ lòng hiếu thảo đối với Ông Bà Cha Mẹ, biết ơn Tổ Tiên, dù đi ở đâu, ba ngày Tết cũng lo cho được mâm cơm chén rượu cúng rước Ông Bà, phong tục có từ ngàn xưa, đời đời dân ta vẫn giữ. Từ nhiều tháng trước người ta đã nghĩ tới giờ phút thiêng liêng của ngày đầu năm.

Từ nơi làng mạc xa xôi, đến chốn thị thành, ai ai cũng sửa soạn đón Xuân, mỗi nơi mỗi cách. Ngoài thành thị, chợ búa đã lo đến chuyện bổ hàng thêm vốn, người nhà quê như cha mẹ chúng tôi thì khoảng tháng tám, tháng chín đã bắt đầu gầy bày mái tơ, con gà trống thiện, ươn hoa ra chậu, nào mồng gà, vụn thỏ, cúc, mẫu đơn ...

Rồi ngày lại qua ngày, lúa chín vàng đồng, tàn con gió bắc, mới đầu tháng chạp tỉnh thành làng quê đã thấy rộn ràng, ngày Tết gần kề nên chợ làng chợ tỉnh tung bừng tấp nập người mua người bán. Rằm tháng chạp, bà con ngắt sạch lá mấy cội mai già, hãm dĩa tăng trưởng, ít tuổi hơn các loại hoa khác. Nắng hanh vàng, gió xuân dịu mát, sáng sớm hôm nay, Ông Bà Ngoại với mẹ tôi cùng người bạn chèo lấy ghe tam bản ra chợ Mỹ-Tho sắm Tết ...

Đồ khô để trữ nào nấm Đông cô, nấm mèo, tóc tiên, bún tàu, da heo phòng, bong bóng cá, vi cá, củ năng, kim châm, cặp vịt phơi khô Sảo Ích, tôm khô, mực khô, quay ốc, bào ngư, cái bắc thảo, mấy hộp măng tây, mấy tỉnh nước mắm hòn, chao tương, đường đậu, tàu hủ ky, đường phối, hồng khô, chà là, táo tàu, trái vải, rượu ngũ gia bì, mai quế lộ, giấy áo, giấy quần, giấy vàng bạc, bao lì xì, hương đèn, mấy thùng dầu lửa, vải sò để may cho con cháu vài bộ đồ mới và cắt chia cho mấy cô chú giúp việc trong nhà... Nhất là pháo Tết, pháo đại, pháo tiểu, pháo tre, pháo chuột... pháo điện quang, pháo toàn hồng... cả cần xé pháo mà Ông Ngoại tôi còn tính mua thêm làm Bà tôi cười nhười cần nhần "... mua cho nhiều đốt kinh với mấy ông sui ...".

Còn mấy món đồ tươi, hàng bông, thịt cá... thì để gần Tết mua ở chợ làng...

HAI MUỐI BA tháng chạp, Ông Bà Táo về trời, cha tôi và mấy cậu từ sáng sớm đã nấu "ai dao" quậy vôi, pha màu sơn phết cửa nhà cho mới, quét dọn bàn thờ, chùi lư, làm đèn, dọn chén tách đồ kiếu, lục bình ra rửa sạch, mở tủ lấy hoành phi liễn trấn, xa kỷ treo lên đủ màu

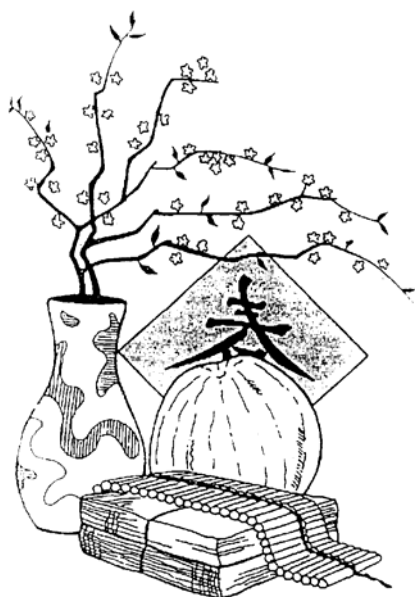
xanh đỏ, dàn mấy chậu bông phát giấy, hồng đơn cùng mấy giỏ mồng gà vạn thọ... sắp dài trước sân... Bà Ngoại, má tôi và các dì thì hái lá vong, đốt chum ruột, róc lá gói nem, thái thịt ướp ngũ vị đồn lạp xương, thay nhau nấu chè trôi nước, canh nời xà lam mứt chuối. Chiều xuống, cơm nước xong, bếp lò tro than dọn gọn, mẹ tôi cấm bông, bày nhan đèn, thèo lèo bánh mứt, hoa quả mấy chén chè, một mâm giấy áo quần, cò bay ngựa chạy, tất cả sắp đặt gọn gàng trên dàn bếp để cúng đưa Ông Bà Táo về trời. Ở nhà trên, bàn thờ Ông Bà, bàn vọng thiên ngoài sân cũng ngần thứ ấy : nhan đèn, bánh mứt, trà quả, giấy tiền. Ông Bà, cha mẹ, cả nhà thì thắm khăn vái, châm chén nước trà, đốt giấy áo quần vàng bạc, ngựa chạy cò bay. Cúng xong, lũ nhỏ chúng tôi được chia cho mấy viên thèo lèo cắt chuốt, chén chè đường thẻ vàng tươi... Mùi nhan, mùi hoa vạn thọ, mùi đèn dầu mới... hương vị Tết đã tràn ngập sân nhà.

HAI MUỖI TÁM TẾT, từ tờ mờ sáng cả nhà đã đốt đuốc ra bờ đập, thùng rổ, gào sòng, tát đĩa bắt cá bắt tôm. Anh em tôi được dịp quây sinh bắt hoi, gắp tôm càng to màu xanh biếc nổi lò đờ, ham quá chụp càn bị nó bún sung tay, đau lắm mà không dám khóc còn nhớ hoài cho đến bây giờ...

BA MUỖI TẾT, chợ đã thưa người, ai cũng gấp rút về nhà sửa soạn. Cậu Út tôi ra vườn đốn cây tre đục cao to làm cây nêu dựng trước ngõ. Trong nhà, cha tôi cũng đã chum xong đĩa ngũ quả (thơm, mần cầu, dừa, đu đủ, xoài), mấy cặp dưa hấu da xanh màu cẩm thạch, dò thủy tiên hoa trắng như ngọc với nhụy vàng vừa chớm nở, cành mai vàng cùng mấy nhánh đinh lăng được cắm chung trong cặp lục bình xưa, chiếc lư đồng mắt tre sáng lấp lánh bên đôi chân đèn sắp mới. Cặp liếng, bức tranh sơn thủy, di ảnh Ông Bà hôm nay sao trông khác lạ, có cái gì huyền diệu hơn mọi ngày ...

Chiều ba mươi Tết, ngoài đường chợ búa vắng người ... Đồ ăn vừa được nấu xong thì mỗi người một tay, đem cơm bát mâm cúng rước Ông Bà : một mâm trên bàn thờ giữa nhà, một mâm trên bộ ván gỗ gian bên, một mâm cúng rước Ông Bà Táo, một mâm cúng tạ Thổ Thần. Cả nhà khăn áo chỉnh tề, xì xụp lễ bái. Giờ phút này sao mà thiêng liêng trọng đại quá : trên bàn thờ, trong nhà ngoài cửa khói nhan bay ngất ngưỡng. Ông Ngoại tôi đánh mấy tiếng chuông để tưởng nhớ công ơn Tổ Tiên ngày trước khó nhọc cho con cháu có ngày hôm nay, Bà Ngoại và mẹ tôi thì lâm râm khấn váy xin tiền nhan mang an vui về cùng con cháu, cha tôi ôm nôi pháo ra sân đốt đón rước Ông Bà... Từ đầu làng cuối xóm tiếng pháo nổ van ... ngày Xuân... ngày Tết đã đến với mọi nhà...

Cơm nước xong, trời vừa tối, Bà tôi đã nhắc dẹp chổi, cũ quét nhà, liêng rế ra sân, cất gào múc nước... (*). Đến giữa khuya, trong nhà nhan đèn sáng tỏ, ngoài sân trên bàn hương án hoa trà bánh mứt, giấy tiền vàng bạc hực hử. Trên đốt dừa cao treo phong pháo điện quang đỏ ao dài



lòng thông tới đất... mọi người sửa soạn đón Giao Thừa, giờ phút nghiêm trọng đợi chờ... Đồng hồ chậm chậm điểm 12 tiếng... Ông tôi khấn áo chỉnh tề làm lễ trời đất, tiễn cựu nghinh tân... Châm lửa đốt pháo, pháo nổ vang rền... Ông bước vào nhà xông đất, con chó phèn nần dưới chân bàn đứng dậy ngoắc đuôi mừng làm Ông tôi hoan hỉ nói : “Năm nay con chó ra mừng là điềm lành, công việc làm ăn sẽ khá !”.

Khắp thôn trên xóm dưới, nhà nhà làm lễ xong đều đốt pháo. Tiếng pháo nổ liên hồi không dứt, trong lòng ai cũng thấy vui. Bầy trẻ nhỏ chúng tôi được mặc quần áo mới, ra chào lay mừng tuổi Ông Bà, cha mẹ chú thím, cậu mợ dì dượng..., được lì xì nên tỉnh ngủ bày sòng bầu cua cá cọi, kéo bài oát, đổ cờ quan. Người lớn thì ngồi hàn huyên, nhâm nhi chén trà, miếng mứt...

Mùng Một, trời chưa sáng tỏ, Ông Bà cha mẹ tôi đã lo trà nước bánh mứt để cúng trên bàn thờ trong nhà, bàn vọng thiên ngoài ngõ... Trưa chiều hai bữa cơm chay, tương chao rau đậu... Tiếng pháo vẫn nổ dòn khắp xóm làng.

Mùng HAI , cúng mặn, ngoài những món không có hàng ngày như tiềm hèm, đồ bát, chả nem... là những món căn bản thường nhật : thịt cá kho, tô canh hủ qua, chén nấm , đĩa thịt phai, đĩa rau khế... Ông Ngoại tôi đứng nhìn Bà và mẹ tôi làm lễ trước bàn thờ thì thầm khấn vái, như muốn tỏ thể với Ông Bà đang ở cùng con cái. Cơm nước xong, Ông Bà Ngoại tôi xuất hành đi mừng tuổi Trưỡng tộc và bạn bè trong xóm. Đám nhỏ tụi tôi diện quần áo mới, lót tót chạy theo, tới nhà nào cũng được lì xì, ăn uống hả hê làm mồm mả tèm lem... Về đến nhà, chưa kịp nghỉ thì bà con hàng xóm cũng kéo đến lay mừng tuổi Ông Bà tôi trả lễ... có qua có lại, tình nghĩa họ hàng xóm giềng...

Mùng BA, thêm vào việc dọn cúng thường ngày, có mâm cơm cúng đất đai : ngoài cơm canh còn có con gà luộc : một con gà trống giò (còn tơ chưa biết gáy) với cặp chân vàng nghệ. Đôi chân gà này được cất giữ lại để ra ngoài ngày đem lên nhờ ông Từ đoán quẻ đầu năm !

Sáng sớm, mẹ đã đánh thức tôi dậy, sửa soạn tươm tất, dẫn tôi ôm một mâm bánh mứt đến nhà mừng tuổi thầy dạy học. Được thầy vỗ đầu khen ngoan và ban cho mấy lời khuyên răn học.

Chiều lại, ba tôi đem giấy tiền vàng bạc dán trên các gốc cây mận, cây dứa, cây xoài, cây ổi... rồi cái chà, cái cối, cái xa quạt lúa, chuồng gà, chuồng lợn, cái mái dầm chứa nước mưa ngoài hiên... như để cảm ơn tất cả những đồ vật đó đã cho ta hưởng lợi quanh năm... Phải chăng Ông Bà ta đã từng dạy con cháu chữ NGHĨA ÒN !

Mùng BỐN, cúng tất : sáng cúng trà nước, trưa chiều cúng cơm canh thịt cá, đặc biệt có món Tả-Pín-lù gà trống thiện, tóc tiên miến xào như tôi thầm ao ước - nhất bốn vạn lợi ! Cả nhà bung



mâm giấy áo quần, giấy tiền vàng bạc ra sân đốt, tục lệ gọi là hoá vàng, dâng cho Ông Bà chi dụng trọn năm nơi cõi âm... tàn tro theo gió bay cao... tiếng pháo thưa dần...

Mùng SÁU, hàng quán mở cửa khai trương...

Ba ngày Tết qua mau...

Nhớ lại ngày nào...

Xứ người lạnh quá, tuyết đổ ngoài trời, mưa rơi trong lòng. Nhờ có Thanh Niên Evry làm Tết còn thấy được con lân trang pháo, một chút gì đó của quê hương. Thương cho đám nhỏ ngày Tết được mặc chiếc áo dài, đầu đội khăn đóng mà mừng hớn hở, nhưng đã có mấy đứa hưởng được cái nắng Xuân vàng ấm của quê nhà...

Bây giờ đã tới 30...

Tôi rung tay đốt nhang châm trà thăm khấn Ông Bà Tổ Tiên phù hộ cho cháu con, đi đâu ở đâu cũng về... xum họp... mái ấm... quê ta...

Nguyễn Phương.

- (*)
- Đẹp chối vì mừng một cử quét nhà, sợ hốt tài lợi đổ đi.
 - Vì đêm ba mươi tối trời, ăn trộm xuất hành, liệng rế ra sân làm vướng chân kẻ trộm.
 - Cất dẹp gào gáo vì sợ ăn trộm trả thù, mức nước tát ra là tiền ra, hao tài ! Nhưng cũng có khi ông ăn trộm luýnh quýnh tác lộn trở vô, là tiền vô, làm chủ nhà trở nên giàu thêm ! !



Vui cười

Nguyên nhân ?

Cô con gái hỏi nhỏ mẹ :

- Mẹ ơi, trên đầu mẹ có bao nhiêu sợi tóc bạc vậy ?

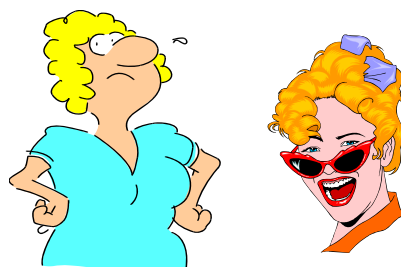
Người mẹ trả lời :

- Hể mỗi lần con cái làm điều gì mẹ buồn phiền thì cha mẹ lại có thêm một sợi tóc bạc đó !

Cô con gái suy nghĩ một lát rồi nói :

- Bây giờ con mới hiểu tại sao tóc bà ngoại bạc trắng cả rồi.

Người mẹ ! ! ! !



Vịt Bắc Kinh

Canard à la pékinoise

Cho 6 người / *Pour 6 personnes*

Chuẩn bị / *Préparation* : 1 h 30

Ướp cho thấm / *Macération et repos* : 12 h

- 1 con vịt khoảng 2 kg / *1 canard 2 kg environ prêt à cuisiner*
- 1 muỗng súp mật ong / *1 cuillère à soupe de miel*
- 2 muỗng súp nước chanh vắt / *2 cuillères à soupe de jus de citron*
- 5 muỗng súp rượu đế / *5 cuillères à soupe de vin de riz*
- Nửa muỗng cà phê dầu mè / *Une demi cuillère à café d'huile de sésame*
- 2 muỗng cà phê bột năn / *2 cuillères à café de fécule*
-

Nước sốt / *Pour la sauce*

- 1 ly nhỏ nước sốt Hoisin / *1 tasse de sauce Hoisin*
- 1 muỗng cà phê rượu đế / *1 cuillère à café de vin de riz*
- 1 muỗng cà phê dầu mè / *1 cuillère à café d'huile de sésame*
- Một ít tương ớt / *Un peu de purée de piment*

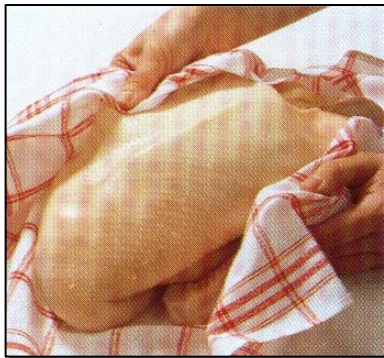


Bánh tráng Trung Quốc / *Crêpes mandarin*

Trộn 2 1/2 tách bột mì với muối trong nước sôi. Để nguội xong nhồi cho dẻo. Nắn bột thành cuốn tròn độ 7 phân bề dày. Cắt thành từng khoanh độ 1 phân bề dày xong đập dẹp. Quét dầu mè trên một mặt mỗi khoanh xong úp lại từng đôi. Cán thành bánh đường kính độ 15 phân xong chiên trong chảo thật nóng và khô cho đến khi bánh phồng lên. Tách đôi bánh ra và dọn lên ăn ngay hoặc hấp lại bằng hơi nước cho nóng.

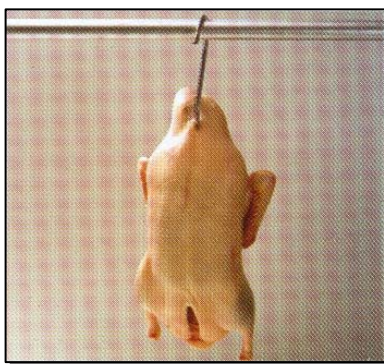
Mélanger 2 1/2 tasses de farine avec du sel et 1 tasse d'eau bouillante. Laisser refroidir et travailler en pâte souple. Former des rouleaux de 7 cm d'épaisseur, les couper en rondelles épaisses de 1 cm. Aplatir celles-ci. Les badigeonner d'huile de sésame et les empiler 2 par 2 la face huilée à l'intérieur. Etendre chaque crêpe double en un disque d'environ 15 cm, puis les faire revenir quelques instants dans une poêle sèche et brûlante jusqu'à l'apparition de petites boursouflures. Séparer alors les deux épaisseurs. Servir immédiatement ou faire réchauffer à la vapeur.

Rửa vịt và lau khô, xong lạng bớt lớp mỡ bên trong. Nấu sôi 2 lít nước pha với chút giấm trong vòng 2 phút. Bỏ vịt vào luộc 3 phút. Vớt ra lau khô. Xoa nhẹ lớp da cho bong ra nhưng đừng cho rách.



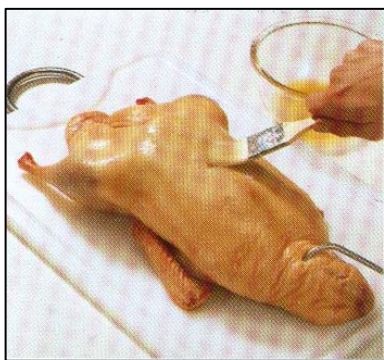
Laver et essuyer le canard et ôter le gras interne. Porter à ébullition 2 litres d'eau un peu vinaigre dans une marmite. Y faire cuire le canard 3 mn. Le retirer et bien l'essuyer. Masser la peau de façon à ce qu'elle se soulève de la chair, sans l'endommager.

Móc vịt ở cổ và treo nơi thoáng gió, để cho nguội 2 giờ.



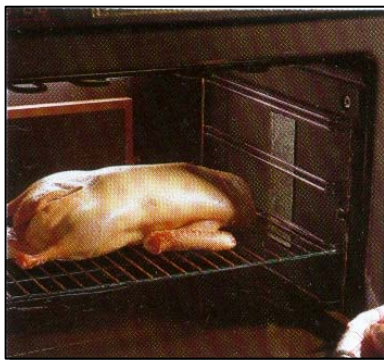
Planter un crochet dans le cou du canard et le suspendre dans un endroit ventilé et le laisser refroidir 2 h.

Quậy 1/2 tách nước thật nóng với rượu đế, mật ong, nước chanh, bột năn và đầu mè. Quét nước sốt lên vịt thật kỹ. Để cho khô, quét lại sau đó 1 giờ. Lặp lại 3 hoặc 4 lần. Để cho khô qua đêm hay ít nhất 5 giờ.



Mélanger 1/2 tasse d'eau très chaude, le vin de riz, le miel, le jus de citron, le fécule et l'huile de sésame pour le glaçage. Bien badigeonner le canard avec le mélange. Laisser sécher et recommencer 1 h après. Répéter l'opération 3 ou 4 fois. Finalement, laisser sécher toute la nuit ou 5 h au moins.

Đốt lò cho nóng khoảng 170 °C. Đặt vịt trên vỉ nướng, ức hướng lên trên. Cho chút nước vào vỉ hứng phía dưới rồi rô ti 20 phút.



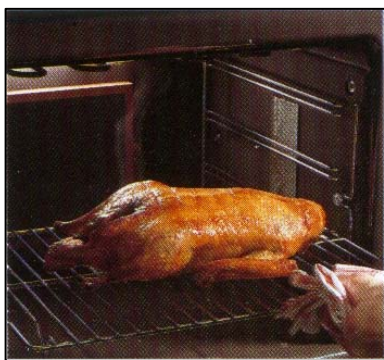
Préchauffer le four à 175°C. Poser le canard sur la grille du four la poitrine dirigée vers le haut. Mettre un peu d'eau dans la lèchefritte placée sous la grille et faire rôtir la volaille 20 mn.

Lấy vịt ra và chắt nước bên trong vào chén. Bỏ vịt trở vô lò thêm 20 phút, ức hướng về phía dưới. Thỉnh thoảng quét thêm nước sốt.



Sortir le canard et verser le jus qui se trouve à l'intérieur dans un bol. Remettre le canard 20 mn au four la poitrine vers le bas. Badigeonner avec le glaçage de temps à autre.

Lấy vịt ra và chắt nước bên trong vào chén. Bỏ vịt trở vô lò thêm 20 phút, ức hướng về phía trên. Đứng cho nước vô vỉ hứng bên dưới. Bớt độ nóng của lò xuống 150 °C



Après avoir fait sortir le jus de l'intérieur retourner le canard et le faire rôtir 20 mn la poitrine vers le haut. Cette fois ne pas mettre d'eau dans la lèchefritte. Baisser le four à 150 °C.

Lấy vịt ra khỏi lò. Dùng dao thật bén cắt da thành miếng nhỏ. Lóc xương xong cắt thịt thành miếng nhỏ vừa miệng ăn. Quậy các thứ gia vị làm sốt với 10 cl nước và nấu cho sôi.



Retirer le canard du four. Avec un couteau tranchant, découper la peau en petits morceaux. Détacher la viande des os et la couper en morceaux de la taille d'une bouchée. Mélanger les ingrédients de la sauce avec 10 cl d'eau et porter à ébullition.

Dọn thịt và da vịt cùng với nước sốt, bánh mì tôm, bánh tráng Trung Quốc thêm vào ít lát hành trang trí.



Servir la viande et la peau du canard à la pékinoise avec la sauce, du pain aux crevettes, des crêpes madarin et décorer avec des oignons nouveaux.

Từ ngàn xưa, khi khoa thiên tinh học chưa phát triển, các hiện tượng nhật thực hay nguyệt thực được giải thích bằng những huyền thoại do các nhà chiêm tinh gia suy luận theo vận nước hên xui may rủi.

Ngày nay, các nhà khoa học không những giải thích được rõ ràng cơ chế của những hiện tượng này mà còn có thể dự đoán được bằng những phép tính thật chính xác thời gian và địa điểm khi hiện tượng xảy ra.

Chúng ta ai cũng đều biết, trái đất xoay quanh mặt trời và mặt trăng thì chạy theo và xoay quanh quỹ đạo của chúng ta. Nhờ vào quỹ đạo và vận tốc khác nhau, sẽ có một lúc nào đó, cả 3 thiên thể : mặt trời, trái đất và mặt trăng, cùng nằm trên một đường thẳng (aligné). Tùy theo vị trí của mặt trăng lúc đó, ta sẽ có nhật thực hay nguyệt thực.



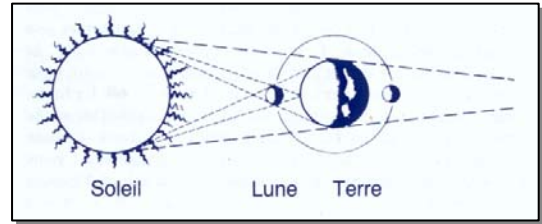
Nhật thực

Mặt trăng nằm giữa mặt trời và trái đất. Vì mặt trời bị mặt trăng che lấp nên sẽ có những vùng trên trái đất trở nên tối giữa ban ngày trong một khoảng thời gian ngắn.

Nguyệt thực

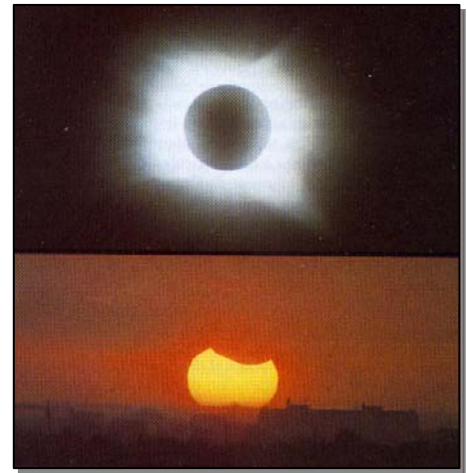
Trái đất nằm giữa mặt trời và mặt trăng. Ánh sáng trăng mà ta thấy mỗi tối là do sự phản chiếu của những tia sáng đến từ mặt trời, chứ tự nó, mặt trăng không phát ra ánh sáng. Vì vậy, trong trường hợp này, có nhiều vùng sẽ thấy ánh sáng trăng chuyển từ trắng sang một màu đỏ như đồng.

Các hiện tượng này chỉ diễn ra trong một thời gian thật ngắn, khoảng 2 đến 3 phút mà thôi.



Điều cần biết

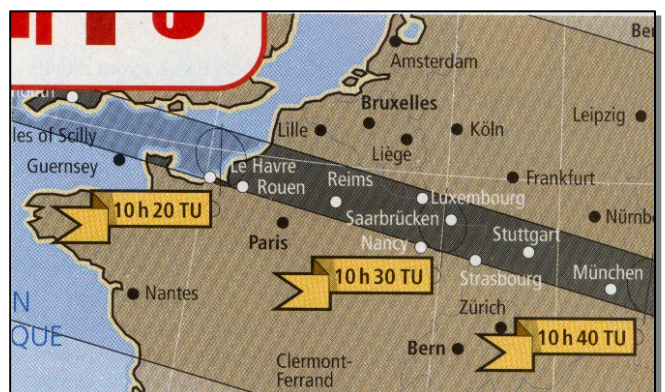
Các bạn không nên nhìn thẳng vào mặt trời, mặc dù bị che khuất đến hơn 90%, nhưng ánh sáng còn rất mạnh có thể làm tổn hại đến mắt. Các bạn nên tìm mua loại kính đặc biệt bán trong các tiệm kính (opticien).



Vào ngày 11 tháng 8 năm 1999, hiện tượng nhật thực cuối cùng của thế kỷ XX sẽ xảy ra vào giữa trưa. Tất cả các nước ở vùng phía Bắc các châu Mỹ, Âu và Á sẽ thấy được hiện tượng này rất rõ.

Dân vùng Paris và ngoại ô cũng sẽ được chứng kiến hiện tượng này. Vào khoảng 12g20 đến 12g30, mặt trời sẽ bị che khuất đến hơn 90%.

Đây là một hiện tượng hiếm có, vậy các bạn nhớ chuẩn bị để chiêm ngưỡng và giữ lại những hình ảnh quý giá này.



Những hoạt động thường xuyên của Hội



Thể thao - Activités sportives

Đội đá banh AJVE tập dợt mỗi sáng chủ nhật từ 10g30 đến 14g00 tại sân banh của quartier Les Champs-Élysée (Evry).

L'équipe de foot de l'AJVE s'entraîne tous les dimanches matins de 10h30 à 14h sur le terrain du quartier Champs-Élysées (Evry).



Anh Giám : 01 60 78 69 32
Anh Trước : 01 39 83 77 95



Lớp tiếng Việt - Cours de vietnamien

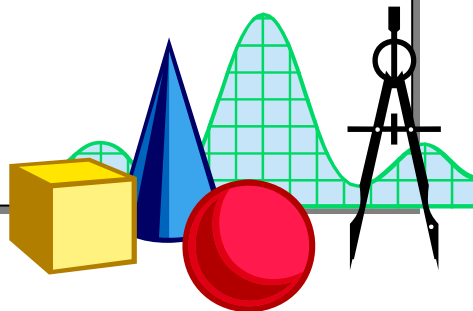
Mỗi chiều chủ nhật từ 14g30 đến 18g00 tại:
Tous les dimanches de 14h30 à 18h00 :

M.J.C., place Général de Gaulle - 91000 EVRY.

- * Lớp vỡ lòng : dành cho các em nhỏ học đánh vần, tập đọc.
L'alphabétisation pour les enfants.
- * Lớp người lớn : tập đọc, viết và đối thoại tiếng Việt .
Cours de Vietnamien pour adultes (lire, écrire, dialoguer)
- * Lớp học kèm : Chủ yếu các môn Toán, Lý, Hoá.
Soutien scolaire : mathématiques, physique, chimie.
- * Lớp vi-tính : Dạy căn bản xử dụng máy điện toán.
L'initiation à l'informatique



Bác Hậu : 01 64 96 46 26
Anh Trước : 01 39 83 77 95
Anh Cường : 01 64 97 80 95





Văn nghệ - Activité artistique

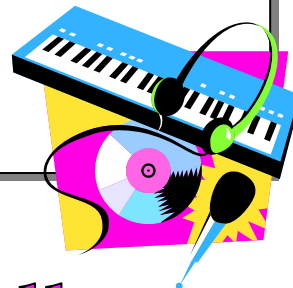
Ban nhạc của hội tập dợt mỗi chủ nhật từ 15g00 tại :
L'orchestre de l'AJVE s'entraîne tous les dimanches à partir de 15h au

Maison du quartier Jacques Prévert - 91000 EVRY

Mong đón nhận những khuôn mặt mới yêu thích văn nghệ (ca vũ nhạc kịch) đến đóng góp tài năng.



Anh Giám : 01 60 78 69 32



Báo chí - Activité culturelle

Tờ đặc san *Người Việt Evry Số 6* do ban Báo chí Hội thực hiện sẽ được ra mắt vào khoảng tháng hai nhân dịp Tết Nguyên Đán 2000, mong đón nhận sự ủng hộ và giúp đỡ về mọi mặt : bài vở, ý kiến, và nhất là tài chánh.

Le bulletin Người Việt Evry, réalisé par notre association, fera sa prochaine apparition vers février 2000 à l'occasion de la fête du nouvel an. Nous souhaitons compter sur votre contribution pour la réalisation de ce bulletin : vos suggestions, surtout vos aides financières,...



Anh Giám : 01 60 78 69 32
Chị Thúy Vũ : 01 69 91 23 57



Trong năm vừa qua, nhờ sự giúp đỡ và ủng hộ của các bậc phụ huynh trong vùng, Hội Thanh Thiếu Niên Việt Nam Evry đã tổ chức được hai đêm hội trong dịp Tết Nguyên Đán và Tết Trung Thu.

Trên phương diện hoạt động xã hội, Hội có nhận đỡ đầu và trợ giúp tài chánh cho em Hạnh ở Bến Tre bị mù từ nhỏ để em có điều kiện tiếp tục việc học. Thêm vào đó, Hội cũng có tham dự vào chương trình Télérthon trong tháng mười hai vừa qua. Hội rất mong sự trợ giúp của các bậc phụ huynh để có thể tiếp tục các hoạt động đó.

Phiếu ủng hộ

Bulletin de participation

Ông, Bà :

Mr, Mme

Địa chỉ :

Adresse

gửi ủng hộ cho tờ tập san **NGƯỜI VIỆT EVERY**,

participe aux frais d'édition du bulletin NGƯỜI VIỆT EVERY,

số tiền : bằng () tiền mặt - () ngân phiếu xin đề

d'un montant de en () espèce - () chèque à l'ordre de

Association des Jeunes Vietnamiens d'Evry

11, Allée du Bois Devé

91080 COURCOURONNES

Chữ ký

Signature

Hội Thanh Thiếu Niên Việt Nam Evry
Association des jeunes vietnamiens d'Evry
12, Impasse Marette Guillerval
91000 EVERY

